

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY

— Địa-vị của các nước nhỏ miền
Đông-Nam châu Á

D. Đ. Đ

— Vấn đề bảo - đảm trong hòa-
ước Versailles

ĐO ĐỨC ĐỨC

— Nạn nhân-mãn và việc di-dân

VŨ ĐÌNH HÒE

— Ý thức độc-lập

ĐÌNH GIA TRINH

— Đề phòng nạn đói : Cần phải
khuếch-trương mọi việc giống
mẫu

NGHIÊM XUÂN YÊM

— Nhật xuất (kịch của Tào Ngự)

ĐẶNG THÁI MAI dịch

— Một tâm hồn nghệ sĩ (nguyên
văn của Somerset Maugham)
tiếp theo)

LÊ ĐÌNH CHÂN dịch

NĂM THỨ NĂM : SỐ 112 - NGÀY mồng 9 tháng Sáu 1945

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DÀ HÀ NỘI Giấy in : 19.43 GIÁ 1 \$20

BAO THANH - NGHI

TRÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
 VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN LỢI SONG CỦA
 DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số ngày 16 tháng 6 1945

— Văn đề ngoại giao	VŨ BÌNH HOE
— Văn vấn đề yê-sinh ở thôn quê	NGUYỄN BÌNH HAO
— Chế độ hôn nhân	PHẠM GIA KINH
— Nạn nhân mãn và vấn đề di dân	VŨ BÌNH HOE
— Văn đề sách báo trẻ em	PHẠM LỢI
— Chương trình tổ chức thanh niên của chính phủ	LÊ HUY VĂN
— Việc thu thuế của người Pháp	NGUYỄN XUÂN YÊM
— Một tâm hồn nghệ sĩ (Tiếp theo)	LÊ BÌNH CHÂN GIỀM
— Nhật xuất (kịch buồn mãn của Tào Ngự — Tiếp theo)	ĐẠNG THÁI MẠI DỊCH

BẢO

THANH - NGHI

TĂNG GIÁ

Các báo hàng ngày đã tăng giá từ 0\$20 lên 0\$30. Các bạn đọc hẳn cũng xét cho vì tình-thế bắt buộc; báo THANH-NGHI cũng phải tăng giá từ 0\$30 lên 1\$20 bắt đầu từ số 108 và vui lòng lượng thứ.

GIÁ BÁO DÀI HẠN :

1 năm	55\$00
6 tháng	20. 00
3 tháng	15. 00
1 tháng	5. 00
Chính-phủ :	gấp đôi

ĐÃ IN XONG

14 SỐ ĐẦU

THANH - NGHI

TÀI BẢN

Giá 10\$00 Cước 1\$00

Vì e có sự thay đổi về địa-chỉ, nên chúng tôi chưa gửi tới các bạn đã đặt mua. Muốn cần thận xin các bạn cho biết địa-chỉ lại và nhân tiện gửi cho cả giấy biên-lai. Bạn nào ở Hà - nội xin mang biên-lai lại lấy báo tái bản. (Từ nay chúng tôi không nhận tiền của các bạn gửi về mua báo tái bản nữa).

ĐỊA VỊ CỦA CÁC NƯỚC NHỎ MIỀN ĐÔNG NAM CHÂU Á

D. D. Đ

Đã từ lâu các nước nhỏ miền Đông-Nam châu Á (Việt-Nam, Cao-Mên, Ai-Lao, Diên-Điện, Bán đảo Mi-lai, Nam-dương quần đảo, Phi-luật-tân trừ một nước Thái-Lan may mắn), là những miếng mồi ngon của một bọn tư-bản đế-quốc theo sau chân một bọn Truyền giáo dọn đường.

Đứng trên con đường từ Âu Châu sang A Đông, những nước đó ở một vị-trí quan-trọng vô cùng. Đây là một ngã ba đường đưa đi khắp các ngã: lên Trung-Hoa, Nhật-Bản, sang châu Mỹ xuống châu Úc sang An-đô, Âu-châu và Phi-châu. Vì vậy những bọn lái buôn và Truyền giáo đầu tiên từ Âu-châu sang (I-pha-nho, Bồ-đà-o-nha, Hòa-lan,...) trước khi đặt chân xuống đất lâu đã đặt chân lên những đất ở Đông Nam châu Á. Không bao lâu, những nguồn sản vật thiên-nhiên súc tích của các nước đó (dầu hỏa, cao su, than đá, v.v...) đã kêu gọi lòng tham lam và chí xâm-lược của mấy nước Tây Âu nhất là khi họ đã trở nên những nước kỹ-nghệ tư-bản, và lần lượt các nước miền Đông Nam châu Á biến thành những đất thuộc-địa tuy rằng họ có đủ năng-lực và điều kiện để tự lập và có thể trở nên những cường-quốc không kém gì các nước Âu Tây.

Xét ra cái nguyên-nhân chính của sự đặc-thắng của chính-sách thực dân Âu Mỹ ở miền này là tình trạng cô-lộp của các nước đó, sự thiếu thốn về bang-giao đi tới sự đoàn-kết để chống lại một bọn thù chung. Là vì dân cư ở các nước đó là những giống người phức-tạp, có những nền văn-hóa khác nhau về trình-độ hay về tinh-chất. Họ ít giao thiệp với nhau cho nên ít hiểu biết nhau, mỗi nước là một thế-giới riêng biệt trong đó họ sống trên một nền tảng kinh-tế gần như lúc với một nền văn-hóa thô sơ vì ít chịu tiếp xúc với những nền văn-hóa ngoại-quốc ngoài hai cái nguồn văn-minh tối-cổ An-đô và Trung-hoa.

Cho đến khi đã thành những đất thuộc-địa tuy sự giao thiệp giữa các nước đó có tăng lên nhiều, nhưng vẫn ở trong một giới hạn nào và không ngoài sự buôn bán cần thiết vì họ đã trở nên những phần-tử của những khối đế-quốc khác nhau và lại cạnh tranh nhau vì quyền lợi.

* * *

Nhưng hai quốc thể-giới chiến-tranh, nhất là trận thứ hai này với cuộc hành binh của quân đội Nhật-bản lần lượt đánh đổ chủ-quyền của mấy nước Âu Mỹ, đã bắt đầu thức tỉnh những dân-lộc miền Đông-Nam châu Á.

Thời cơ đã xoay đổi khiến cho họ thoát ly siềng xích của bọn thực-dân và trở nên những nước độc-lập. Công việc cần thiết của họ ngày nay, một công việc chung cho hết thảy, là củng cố nền độc lập đó, là đề phòng một cuộc trở lại của những kẻ thù chung. Đề đạt được mục đích trên đây đã đến lúc họ cần phải sát cánh với nhau, liên kết thành một khối, khối Đông Nam châu Á, để chống lại âm mưu xâm-lược của . . . đế-quốc tư-bản, . . . Sự liên hiệp của các nước A-rập ở Bắc Phi và Cận-đông để phản kháng việc quân Pháp đổ bộ xuống Syrie và Liban đã là một gương sáng cho các nước Đông-Nam châu Á. Đó là một sức mạnh mà chúng ta có thể gây nên bằng một cuộc hợp tác chặt chẽ không thể không có được. Đó là tất cả lẽ sống còn của chúng ta không cứ gì trong hiện tại mà còn về sau mãi mãi, là vì biết bao nhiêu sức mạnh dọa nạt rồi ra sẽ bao vây chúng ta ở ngày mai. Hơn nữa phải làm thế nào để hết sức tránh một cuộc cạnh tranh chính giữa các nước miền Đông-Nam châu Á chúng ta. Cuộc cạnh tranh đó rất có thể có được, cũng như giữa các nước nhỏ ở bán-đảo Bá-nhĩ-căn bên Âu-châu, nhất là vì chính những cường quốc khác sẽ gây nên đề lợi-dụng. Mầm chiến-tranh có thể nảy ra từ đó và chúng ta sẽ là một bãi chiến trường để cho các nước dày sào mà giành nhau và coi chúng ta như những món hàng của họ.

Vậy thời không do dự gì nữa, không để lỡ mất dịp tốt, tất cả những dân tộc Đông-Nam châu Á chúng ta phải mau mau cấp bách đi tới một sự liên kết chặt chẽ, hợp thành một khối để đề-phòng một tai nạn chung và đề mưu một cuộc sống chung ở tương lai trong sự thân thiện và hòa-bình. Với cái vị trí địa dư quan trọng đặc biệt của chúng ta, với những nguồn sản vật giàu có và đầy đủ để bổ-túc lẫn nhau giữa tất cả mọi nước, với thời cơ thuận lợi cho chúng ta trong hiện tại, chúng ta rất có thể tin rằng khối Đông-Nam châu Á một khi thành lập sẽ giữ một địa vị quan trọng và xứng đáng trên trường quốc tế ngày mai.

Do có như thế cũng là bước đầu tiên để đi tới một thế giới đại đồng ở mai sau.

ĐO ĐỨC DỤC

VẤN-ĐỀ BẢO-ĐẢM TRONG HÒA-UỚC VERSAILLES

ĐỖ - DỨC - DỤC

Trong một số Thanh-Nghị trước (số 109 ngày 19-5-1945) chúng ta đã xét đến những kết-quả trái ngược và tai-hại của hòa-uớc Versailles về vấn-đề đất-dai và vấn-đề bồi thường. Trong kỳ này chúng ta xét đến những kết-quả của vấn-đề bảo-đảm trong hòa-uớc Versailles.

Ta nên phân-biệt những khoản bảo-đảm quyền lợi riêng về đất đai hay về bồi thường của mấy nước đồng-minh thắng trận, nhất là nước Pháp, và những khoản bảo đảm linh-thô và nền độc lập cho toàn thể mọi nước tức là gìn giữ nền hòa-bình chung của thế-giới.

Trước hết vấn-đề cấp-bách là phải tìm những phương-sách nào để ngăn cản nước Đức không cho tác-quái được nữa, không cho-sửa soạn được một cuộc trả thù ở ngày mai. Vấn-đề này riêng cần thiết đặc biệt cho nước Pháp vì ở ngay cạnh nách nước Đức.

Như ta đã nói trong một kỳ trước (Thanh-Nghị số 107 ngày 5-5-1945), nước Pháp đã gặp ở đây những trở lực chính từ ngay các nước đồng-minh và sự thực nếu các nước đó đã đoàn-kết được chặt chẽ để theo đuổi chiến-tranh thì trái lại đến khi cùng nhau ký hiệp-uớc để định rõ quyền lợi của nhau họ đã không ngăn ngại gì mà phản đối lẫn nhau.

Tuy nhiên, có mấy điều mà họ đã dễ thỏa thuận với nhau là bắt nước Đức phải hủy bỏ chế-độ cưỡng-bách tổng quân và chỉ cho Đức được có một đội binh là 10 vạn quân là zung. Xong nước Đức đã bằng rất nhiều cách lần tránh sự cưỡng-bách đó: họ đặt ra rất nhiều

những đạo quân giả danh là những đội liêm-phóng những đội vệ-binh rải rác khắp trên địa-hạt nước Đức. Cho đến năm 1935 thì Đức không e-dè gì để tuyên-bố lại thiết lập việc cưỡng-bách tổng quân mặc dầu sự phản đối của Pháp Anh, Bỉ... Nhưng một điều đáng chú ý là sau đó 3 tháng chính Anh lại đã tự ý ký với Đức một bản hiệp-uớc thủy quân cho Đức được đóng tàu tới 35% số tấn tàu của Anh.

Ngoài ra mấy điều bảo-đảm khác như bản hiệp-uớc tương-trợ giữa Mỹ, Anh và Pháp mà Wilson đã hứa với Pháp thì không được Thượng-nghị-viện Hoa-kỳ chuẩn-y, Việc nghiêm cấm nước Đức không được đóng quân trên một giải đất rộng 50 cây số ở hữu ngạn sông Rhin thì cũng chung một số phận như việc bắt Đức hủy bỏ chế-độ cưỡng-bách tổng quân, nghĩa là Đức đã quả quyết đem quân chiếm đóng miền Rhenanie năm 1936 mặc dầu một hiệp-uớc khác, hiệp-uớc Locarno ký năm 1925 giữa Đức, Pháp và Bỉ có Anh và Ý bảo đảm, đã thừa nhận lại khoản kĩa của hòa-uớc Versailles. Pháp, Anh, Bỉ, Ý cực lực phản đối Đức nhưng vô hiệu, và kể đó trên địa-hạt Rhenanie Đức bắt đầu cho xây dựng chiến-lũy Siegfried đối diện với chiến lũy Maginot của Pháp. Ba năm sau, sau khi lần lượt chiếm Áo, chiếm Tiệp-khắc, Đức đã không ngần ngại gì để khai chiến Pháp với và Anh, và từ đó đưa thế-giới đến cuộc chiến tranh tàn khốc thứ hai.

Nói tóm lại những khoản bảo-đảm trong hòa-uớc Versailles mà Pháp trông đợi rất nhiều và đã tốn bao nhiêu hơi sức mới được Anh, Mỹ thuận ký cho, rút cục cũng không có hiệu quả vì Anh Mỹ chẳng thực tâm gì, và chung quy những mối lợi ích-kỷ vẫn là nguyên-nhân của

mọi sự chia rẽ chính ngay giữa mấy nước đồng-minh.

Đó cũng lại là đầu mối của sự thất bại của một cơ-quan mà thế-giới đã đặt rất nhiều hy-vọng vào, do đó các nước bảo-dảm lẫn cho nhau nền độc-lập về lãnh-thổ và chính-trị, nói tóm lại bảo đảm nền hòa-bình chung cho thế-giới đó là Hội Quốc-liên.

* * *

Sự thiết lập Hội Quốc-liên đã do tổng-thống Wilson sáng suốt lên và đã được định rõ trong bản Hiệp-uớc Quốc-tế liên-minh đặt trên đầu Hòa-uớc Versailles.

Mục-dịch chủ-yếu của Hội Quốc-liên là bài trừ chiến-tranh và lo giải-quyết những sự xích-mịch giữa các nước bằng một cơ-quan quốc-tế xử theo một hệ-thống pháp-luật quốc-tế mà mọi nước thừa-nhận.

Cứ kể ra sự thành-lập một Hội Quốc-liên cũng đã là một bước tiến-bộ lớn của nhân-loại, nhưng người ta vẫn còn thấy sự dụt dề, sự thiếu thành thực của mấy cường-quốc chỉ lo củng cố địa-vị của mình, không chịu hy-sinh một chút nào chủ quyền của quốc-gia trước một tổ-chức quốc-tế liên-minh, không đếm xỉa đến quyền-lợi của đại-đa số là các nước nhỏ mà chính tự đó đã phát sinh ra chiến-tranh. Trong từ cách về-chức Hội Quốc-liên (sự phân-biệt Assemblée với Conseil, sự phân chia các ghế trong Conseil đặt lên trên cái nguyên-tắc phân-biệt các đại-cường-quốc và các cường-quốc có quyền-lợi hữu-hạn...) cho đến cách làm việc của các cơ-quan đó (lỗi bỏ phiếu theo đa số hoặc toàn-thể đồng-thanh, sự dãn-y của các Chính-phủ quốc-gia cần thiết cho mỗi quyết nghị của Hội Quốc-liên...) cùng những phương pháp thi hành mọi quyết-nghị (sự thiếu thốn về những cách trừng phạt bằng binh lực hay bằng kinh-tế, giới hạn tự do đề cho các thành-viên của Hội trong việc thi hành mọi quyết-nghị...) người ta đều thấy mấy đại-cường-quốc sáng lập còn chưa mấy may chịu

hy-sinh ít nhiều "những quyền lợi riêng để nhìn đến mối lợi chung của toàn-thể nhân-loại.

Cũng vì vậy mà người ta không lạ gì sự thất bại của Hội Quốc-liên mỗi ngày một tăng lên. Ngay từ buổi đầu sự thất bại đó đã được báo hiệu trước bằng thái-độ của Hoa-kỳ không gia nhập vào Hội Quốc-liên tuy rằng người thủ-sướng ra nó chính lại là Tổng-thống Hoa-kỳ. Rồi kế tiếp biết bao nhiêu việc xảy ra trên trường quốc-tế để chứng tỏ sự bất lực của Hội Quốc-liên và làm tiêu ma thanh thế của nó : sự sung đột giữa Trung-hoa và Nhật-bản, giữa Bolivia và Paraguay, giữa Ý-đại-lợi và Ethiopie, những hành động khiêu-khích và xâm lược của nước Đức hay nước Ý, cuộc nổi-điên ở Tây-ban-nha, những sự từ chối và ra hội âm-ĩ và liên-tiếp của nhiều nước như Brésil (1926), Đức (1933), Nhật (1933), Paraguay (1935), Ý (1937),...

Tuy rằng sau khi Hội Quốc-liên thành lập người ta đã ký nhiều hiệp-uớc để bổ khuyết ít nhiều vào Bản Hiệp-uớc Quốc-tế liên-minh nhưng rồi cũng chẳng có kết-quả gì vì người ta vẫn vấp phải những trở-lực ở trên. Đại-khái như điều quyết-nghị Genève do toàn-thể nhân-viên Hội Quốc-liên bỏ phiếu-ưng-thuận năm 1924 thế mà rồi vì sự bất như ý của Anh đã không được phê-chuẩn, rồi đến hiệp-uớc Locarno ký năm 1925 vì hội Đức ra hội và tuyên bố hủy bỏ năm 1936, đến như hiệp-uớc Paris hay cũng gọi là hiệp-uớc Briand Kellogg ký giữa rất nhiều nước năm 1928 để mưu sự hòa-bình cho thế-giới thì lại kém cả Hiệp-uớc Quốc-tế liên-minh về những phương-sách trừng trị những nước bội-phản.

*

Nói tóm lại Hòa-uớc Versailles thật đã là một tác phẩm chứa đầy sự mâu-thuẫn từ khởi điểm của nó cho đến những điều khoản và những kết-quả của nó về sau. Chuơng quy chỉ vì mấy cường-quốc đồng-minh sau khi đã đoàn-kết chặt chẽ và cùng tuyên bố âm-ĩ « vì đại-nghĩa » mà

(Xem tiếp trang 25)

NẠN NHÂN MÃN

VÀ VIỆC DI DÂN

VŨ - BÌNH - HỒ

Trong các vấn đề Đông Dương nạn nhân-mãn và việc di dân có lẽ là một trong những vấn đề cũ kỹ nhất. Người ta đã nói đến đã bàn đến không biết bao nhiêu lần, người ta đã hằng lo lắng và đã thực hiện hoặc thí-nghiệm trong nhiều trường hợp không những ở thế-kỷ này mà đã từ hơn một ngàn năm nay. Tuy nhiên vấn-đề là vấn-đề cũ nhưng lúc nào gọi lên cũng vẫn là mới. Vì so với thừa trước nạn nhân mãn ngày nay đã thay đổi hình thức, cần đến những phương lược giải quyết khác xưa. Và vì trong năm mươi năm nay, người ta chưa tìm được một phương lược gì ổn thỏa để giải quyết nạn nhân mãn xuất hiện dưới cái hình-thức mới này.

Một thực-trạng quan trọng trong nhân-sinh địa-dư xứ Đông Dương là sự chênh-lệch rất lớn về dân-số giữa đồng bằng so với cao nguyên, giữa miền Bắc so với miền Nam, giữa miền thổ vùng duyên hải so với các khoảng đất đai giải rắc trong lục địa. Miền trung-châu ở Bắc-kỳ và phía bắc trung-kỳ thì đông ở những người mà những giải bình-nguyên ở Nam-kỳ, nhất là ở Cao Mên ở Lào dân cư còn thưa thớt, và những đôi núi ở trung-du, thượng-du Bắc-kỳ, miền ham Trung-kỳ ở Lào, ở Cao Mên gần như còn hoang vu cả.

Thực trạng ấy ai cũng đã rõ. Chỉ cần nhắc lại một vài con số.

Xứ Bắc kỳ diện tích 115.000 cây số vuông, có hơn 8 triệu dân thì 7 triệu dân chen vai thích cánh trong một vùng đồng bằng rộng có 15.000

cây số vuông, (87% dân số ở trên 13% diện tích) nghĩa là nếu bỏ riêng 400.000 dân thành thị ra, thì cứ trung bình trên một cây số vuông đất có 430 nông dân sinh sống. Con số ấy còn cao hơn nữa trong các tỉnh miền xuôi : ở Nam-Định, dân-số trên một cây số vuông là 847 người có những khu chưa tới 1.500, 2000 nhân mạng trải lại ở miền trung du và thượng du, trên một cây số vuông chỉ có 3 người ở.

Ở Trung kỳ, người ta tính được non 4 triệu rưỡi dân trên 15.000 cây số vuông đồng bằng : 300 người trên một cây số.

Trái lại ở Nam-kỳ hầu hết toàn cõi là đồng bằng cả, diện tích chỉ 143 cây số vuông, dân số tổng cộng là 4.483.000 người, vậy dân số trên một cây số vuông trung bình mới chỉ có 69 người. Nhiều vùng rất rộng mà dân-cư rất thưa thớt : 14 người trên một cây số ở miền đông, 11 người ở « cánh đồng sậy » (plaine des joncs), 47 người ở miền tây ; chỉ có miền giữa là đông đúc nhưng so với trung châu Bắc kỳ thì dân số cộp kém xa : 170 người trên một cây số.

Hai xứ Cao-Mên và Lào lại còn ít dân cư hơn nữa. Dân số trên một cây số là 4 người ở Lào, 15 người ở Cao Mên. Ở xứ này, con số ấy rút xuống 2 người trên một khoảng rộng tới 127.000 cây số vuông gồm không những đồi núi mà cả những cánh đồng mênh mông không bao giờ thấy một bóng người (1)

Những con số trên đã chứng tỏ cái nạn nhân mãn ở các miền trung châu Bắc-kỳ và

(1) Những con số trên mượn của ở Gourou trong cuốn « L'ethnologie du sol en Indochine »

Trung-kỳ. Người ta đã tính rằng ở bên Âu-châu muốn nuôi sống một nhân mạng, phải cần ít nhất là 4800 thước vuông đất gòn ngiot (1 mẫu 3 sào ta). Ở Việt-minh, cho dầu sức ăn có kém đất đai đi nữa mỗi người cũng phải cần đến hoa lợi của một nửa số đất trên (2400 thước tây, tức là 6 sào rưỡi). Thế mà trong các tỉnh miền xuôi ở Bắc-kỳ, dân số trên một cây số vuông thường thường là 600 hay 700 người, nghĩa là mỗi nhân khẩu chỉ có chừng 1500 thước tây, (4 sào đất) để cấy cấy lấy cái ăn. Ở Trung-Hoa dân-cư cũng rất đông trên các đồng bằng, mỗi người có 900 thước tây đất để nuôi miệng; ở Java chật nhích những người, số đất ấy là 1942 thước. Ở Ý mà dân số cũng rất cao so với diện-tích, cái số đất trung bình mỗi người được hưởng để sinh sống là 3200 thước. Ở Pháp : 5.500 thước. Ở Mỹ : 11.000 thước. Ở Canada : 24.000 thước. (2)

Người ta lại tính rằng mỗi người Đông Dương phải ăn 337 cân thóc trong một năm mới đủ sống thế mà hiện thời ở Bắc-kỳ số thóc sản xuất được đem chia ra, mỗi người chỉ được có 211 cân; ở Trung-Kỳ mỗi người được 233 cân, nghĩa là cách xa số thóc cần thiết. Trái lại, ở Cao Môn con số trung bình là 346 cân, đủ ăn, và ở Nam-kỳ, 674 cân, gấp đôi số cần cho mỗi nhân-quả, và gấp ba con số Bắc-kỳ. (3)

Xét hiện tình, nghề nông ở Bắc-kỳ và bằng vào số thóc của mỗi nhân khẩu là 337 cân, người ta đã tính rằng mỗi mẫu tây (3, 6 mẫu ta) cấy lúa nuôi được 4 người. Như vậy, với 1.300.000 mẫu tây giống giọt, miền Trung-châu Bắc-kỳ chỉ đủ cung cấp lương thực cho khoảng 5.200.000 dân. Tổng số người ở Trung châu là 7 triệu, thành ra một số người từ 1 triệu rưỡi đến 2 triệu không có gạo ăn. (2)

Các bảng thống kê dân số lại cho ta thấy cứ mỗi năm dân số miền Trung châu Bắc-kỳ tăng lên từ 100.000 đến 120.000 người, nghĩa là mỗi

năm lại thêm hơn 100.000 miệng ăn mà điền thổ không nuôi được, và chỉ 10 năm nữa là số người không có gạo ăn sẽ tăng lên gấp đôi từ 2 đến 4 triệu người.

Cái số dân quê Bắc-kỳ hơn 10 vạn người mỗi năm dôi ra mà đất ruộng ở miền Trung-châu không cung được hạt gạo nào ấy, có thể tìm được kế sinh nhai nào khác không? Ông Gourou trong cuốn « Les paysans du Delta tonkinois » dựa vào mọi tài-liệu đã tích phổng chừng mỗi năm nhiều lắm là có :

- 1.000 người được đi khẩn hoang ở vùng cao nguyên Bắc-kỳ.
- 4.000 người khai khẩn các ruộng bờ mới,
- 1.000 người làm thợ nhà máy,
- 1.000 người đi buôn bán trên mạn ngược,
- 1.000 người đi ở và làm công trong các thành phố,
- 2.000 người làm thợ mỏ,
- 1.000 người tự ý di cư về miền Nam,
- 3.800 người ứng mộ làm phu đồn điền ở các xứ khác trong cõi Đông Dương, tất cả là 14.800 người, nghĩa là một phần 8 số nhân khẩu thừa trong một năm. Ở đây là không kể cái con số « vĩnh viễn » ít ra là một triệu rưỡi người « vô kế khả thi » đẻ mưu sinh.

« Vô kế khả thi » là chuyện hiển-nhiên đối với cá-nhân, nhất là khi cá-nhân chỉ là một dân quê không « một đồng một chữ » nào. Nhưng còn đối với cả Đoàn-thể, có những người cầm đầu sáng suốt, vận dụng những phương tiện to lớn, thì trước nạn nhân mãn gặt gạo ấy, tất phải có những kế hoạch để giải quyết.

Có những kế hoạch gì? Đó là, ai cũng đã liệt

1) Kỹ-nghệ-hóa.

2) Mở mang nông-nghiệp.

3) Di-dân khẩn hoang.

Trong bài này tôi bàn đến phương kế thứ ba. Nhưng cần phải nhắc đến cả những phương kế khác để không lúc nào ta quên rằng muốn giải

(Xem tiếp trang 23)

(2) Những con số trong đoạn này theo các ông Yves Henry, Lotzer và Khérian

Ý THỨC ĐỘC LẬP

DINH-GIA-TRINH

Muốn thực hiện nền độc-lập hoàn toàn của nước Việt-Nam trong lúc này, tất cả các lực lượng của quốc gia cần phải buy động. Đề đối phó với những sự khó khăn quốc-tế trong đó nước ta rất có thể phải vấp lộn vất vả, tranh đấu quyết liệt, chỉ có một ý chí quốc gia mạnh mẽ và lớn lao mới khiến dân tộc ta đạt tới được những kết quả mong ước.

Có một tâm trạng cần phải tước bỏ đi mau chóng, đó là *thái độ ngồi mà chờ mong*. Mong ở một tình-cờ của những sự chuyển biến và vận dụng của những động lực quốc-tế, mong ở độ-lượng của một nhóm, của một khối sức-mạnh, mong ở chính-phủ, ở nội các. Tự mình không hành, không cho gì cả. Mình không có trách nhiệm gì cả. Nghĩ như vậy là sai lầm và nguy hiểm vô cùng. Một chính-phủ, một nội các, chỉ là một nhóm người sẽ không có một lực lượng gì nếu khối quốc dân không là một sức mạnh hậu thuẫn, luôn luôn thực hiện, luôn luôn phát triển không ngừng. Có người trí thức lúc này đi ăn, hoặc tìm cách sống hiền triết, «cần trọng và khôn ngoan» chẳng hành động nói năng gì. Họ tính toán, dặt dẹo, và coi cái thân mọn của họ quý hơn những quyền lợi cao quý của quốc-gia. Họ là những người làm hồ danh cho trí thức, bởi trí thức vươn tới tự do, không thể không hoan hỉ vì tự do, mà hoan hỉ số, tự nhiên đưa tới lòng bột dề hoạt-động. Giáo-dục nô-thuộc đã sản ra được chẳng ít quý-tượng: học vấn bị tách ra khỏi giáo dục: ta có thể có những con người giỏi, và óc bộn bề, nhưng ta thiếu những con người mà lửa hăng hái cháy sáng trong lòng mắt, ở trong cái học vấn của mình, băn khoăn vì một lý tưởng, biết hy-sinh vì đại nghĩa.

Về đến thôn-quê thì vẫn thấy tan rã, tối tăm, người thấy mùi tử-vong của tình-tử-ân. Thêm vào

đó những thảm trạng của nạn đói kém, phủ thêm một lần đen lên trên những thảm trạng cổ-hữu truyền qua các thời đại. Những chữ độc lập, yêu nước, tự cường, có vang lớn ở đây, đến lũy tre xanh cũng hòa cùng với cái lặng lẽ của ao tù và cái ẩm ướt dưới mái nhà gianh nát mà chẳng còn thành tiếng gì cả. Ông lý dịch vẫn nghĩ đến hủ-lạc, anh tuần tráng vẫn muốn lười biếng, người dân đen vẫn quen khom cúi, lạy lục, đối trá. Ấy thế mà bọn trí thức có ý niệm rõ rệt về những vấn-đề quốc gia phỏng số có là bao so với khối dân quê to lớn từ Nam chí Bắc, từ mỏm Cà-Mâu tới cương giới Lạng-Sơn? Phỏng những người cầm chính quyền, và nhóm trí thức hoặc những phần tử quả quyết ở các giới, có đủ sức mạnh để tranh đấu chẳng nếu hơn 90 phần trăm toàn dân, sống ở nơi đồng ruộng không sống cùng một nếp với họ?

Cổ nhân xưa đã bảo sự thành bại, hưng vong của một nước, từ người quyền cao chức trọng đến kẻ thất phu, ai ai cũng phải chịu một phần trách nhiệm cả. Sách cổ của Đông, Tây, đã kể cho ta nghe chuyện những người nông phu không chịu chi đường chạy của quân mình cho kẻ địch, tha chịu khổ hình; nhưng người lái đò, kiếm củi hi-sinh vì nước. Tinh thần ái-quốc cần phải phổ-cập tới thôn quê mau gấp. Mỗi một người Việt-Nam phải là một lực lượng tranh đấu. *Đích duy nhất của ý chí trong lúc này: thực hiện độc lập*. Mỗi một người Việt-Nam phải là một trở lực cho công cuộc tuyên truyền hoặc vận động bằng võ lực của kẻ nào muốn cướp lại nền độc lập của ta, nền độc lập của ta đang duy trì, củng cố. Mỗi một người Việt-Nam đều phải có ý chí quốc gia, phải phát biểu ý chí tự lập, lòng muốn cương quyết đoạt lấy quyền sống tự do và bất định

không rời bỏ nó. Lúc này, vừa được giải phóng bởi sự thắng trận của quân đội Nhật-Bản và lòng hào hiệp của nước Nhật, nước ta chưa có đủ binh lực lớn để tự vệ. Nhưng nếu có một sức mạnh tinh thần lớn lao thì những phương tiện vật chất thiếu thốn của chúng ta sẽ được vận dụng triệt để và hữu ích. Sức mạnh tinh thần ấy phải là một tín ngưỡng. Bất cứ người dân quê nào cũng sẽ nói : « Tôi muốn sống độc lập và tự do ». Sẽ không còn sự e dè, sẽ phải mất hết sự hèn nhát. Nguyễn trưởng Tộ tiên sinh ở cuối thế kỷ thứ 19 đã viết lời biểu triệu tâm huyết này : « Những con người ngu dại, diếc, mù, mà nhà binh còn dùng được vào công việc, hướng chỉ những người lãnh đã chịu trời đất phủ linh cho làm người, . . . mà nhất thiết việc dân, việc nước, đều không nhúng tay đến, không giúp sức vào tài sao cho trọn phận sự của con người ! » (Tế cấp bát điều) (1). Lời ấy lúc này cũng cần phải nhắc lại cho tất cả các tầng lớp quốc dân. Mỗi một người phải mang trong tim tín tưởng mạnh mẽ sự độc lập của nước nhà, và phải can đảm giữ vững bất cứ

ai : « Tôi quả quyết cũng cố sự độc lập ấy ». Và mỗi người, trong công việc của mình làm cho trọn phận sự, làm chăm chỉ gấp hơn lên, sẵn sàng hi sinh hạnh phúc nhỏ của mình, nếu cần phải thế để bảo vệ hạnh phúc lớn của đoàn-thể. Người nông phu cấy sâu cuốc bẫm, người buôn bán không giảo trá, ông giáo giầy học trò siêng năng hơn lên, ông quan cai-trị mưu cho dân yên ổn và thơm áo. Ngoài những công việc ấy, phải gây ý thức độc lập, ý thức quốc gia cho người xung quanh mình, cho những ai còn mù quáng vì dốt nát và thiếu giáo hóa. Những người trí thức lãnh đạo với thời cuộc, những người có trách nhiệm dẫn đạo dân chúng mà không sốt sắng, không đặt mình làm gương mẫu cho dân, không hành động gì để thức tỉnh dân, đều là phạm đại tội. Còn một người dân Việt Nam nào chưa có ý thức quốc gia, ấy là lỗi ở bọn trí thức và những người đạo dẫn dân chúng đó.

ĐINH GIÀ TRINH

(1) Theo Ô. Nguyễn Lân trong « Nguyễn trưởng Tộ » — Huế, 1941

NHA XUAT BAN THỜI ĐẠI

XUÂN DIỆU

Gửi hương cho gió 12\$00-

Trường ca 7.00

HOÀNG ĐẠO THÚY

Trại nước Nam làm

gì ? 4.60

Nghe lời 4.50

ĐẶNG THÁI MAI

Lỗ Tàn 6.60

NGUYỄN MỒNG

Hơi thở tàn 6.00

THANH TỊNH

Ngậm ngải tím trầm 2.00

214, Hàng Bạc Hà-nội

DUY NHẤT

Cơ-quan kiến-thiết một nền văn-hóa
mới duy-nhất Khoa-học và Đạo-học

Xuất bản mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1 và 15

Tòa soạn tại Nam - định hộp thư số 20

GIÁ BẢO

Mỗi số 1\$50

6 tháng 18.00

Một năm 35.00

Công sở và các hội giá gấp đôi. Tiền và ngân
phiếu mua báo gửi về ông LÝ QUỐC SINH

Tổng phát hành toàn cõi :

NHÀ IN QUANG HOA

173, Hàng Bông, — Hà - nội

CẦN PHẢI KHUẾCH - TRU'ONG MỌI VIỆC GIỒNG GIỌT

NGHIÊM XUAN YEM

(TIẾP THEO)

B. — *Hiện tình sự giồng giọt
ngô, khoai, sắn. . . ở xứ nhà*

Sau khi đã nhận rõ thấy địa-vị quan trọng của mọi thực hoa màu ấy trong cuộc sinh hoạt của nông dân xứ mình chúng ta nên biết qua tình hình mọi sự giồng giọt ấy từ trước tới nay, để rồi ta sẽ xét xem có thể khuếch trương ra được không ?

Phàm muốn giồng giọt mọi thứ hoa màu ấy, phải chọn ruộng đất cát, nhẹ, bờ, dễ cấy bừa, tốn ít công đập, và thoát nước. Trồng màu lạ, phải tốn nhiều phân bón ; trừ có sắn thì dân miền trung, thượng-du không bón bao giờ. Trồng ngô, khoai và đỗ ở trung-châu lại phải tính ngày tháng cho tới tháng 5 mới kịp ruộng rẫy. cấy lúa, cho nên dân nghèo xứ nhà, hàng năm trồng màu không có nhất định nào cả. Gặp năm tiết xuân ấm áp và mưa xuân sớm lại thì họ trồng được nhiều. Gặp năm mùa tháng 10 bị thiệt hại, liệu chừng có thể bị đói thì họ phải cố sức trồng nhiều. Nhưng nếu khi được mùa lúa mà thời tiết không thuận hòa thì họ lại trồng trọt rất ít. Trái lại, có những trường hợp đặc biệt, nhưng thường xảy ra là nếu dân quê bị cùng khổ quá, họ cũng không thể trồng nhiều được, vì họ không có phân bón, vì trồng màu phải tốn nhiều công làm đất (cày, bừa, đập, gôn luống) cần nhiều công cấy cỏ, vun, sỏi, chăn nuôi. Nếu trong bị họ chưa chắc

chắn có bơ gạo để ăn ngày mai thì trước hết họ phải lo đi làm thuê, kiếm miếng ăn, chứ không thể giồng giọt và chờ đợi trong 3 tháng hoặc 5 tháng.

Chính vì phần đông dân quê « thiếu lực », — tức là thiếu lương ăn và lương vốn, — nên họ nhiều ruộng có thể trồng màu được mà phải bỏ không. Về phần các trung, đại-diền chủ, họ càng bỏ phí nhiều ruộng trồng màu. Những hạng cấy từ 5 đến 20 mẫu, thường có từ 1 đến năm, sáu mẫu ruộng cao, đất bờ, có thể trồng ngô khoai được. Nhưng chẳng bao giờ họ trồng hết cả 5, 7 mẫu ruộng màu. Họ chỉ trồng từ 5 sào đến 2, 3 mẫu là cùng, cốt có đủ khoai, sắn cho lực-diền ăn dọn với gạo, giữa vụ mùa làm. Còn những chủ ấp hay chủ đồn-diền lớn thì họ để mặc bọn tá-diền muốn trồng gì thì trồng, vì họ không cần dùng đến, và không mấy khi thu thuế lợi-diền về vụ trồng màu ấy.

Những khu đất hoặc ruộng mà luôn luôn năm nào cũng được trồng màu là những bãi sông, có phù-xa bồi, hay những khoảng dãi thấp trên mạn ngược. Nhân-dân các miền đó chỉ sống bằng ngô, sắn hay khoai.

Bởi các lẽ trên, nên ta không thể biết rõ những số ruộng nhất-dịnh hàng năm có trồng màu ở xứ ta và số thu hoạch cũng không rõ ràng lắm. Các bảng kê dưới đây chỉ đề khiến các bạn hiểu đại cương về sự giồng giọt ấy thôi.

I — Bảng kê số ruộng và thu hoạch vụ giống ngô trong 2 năm 1940-1941

TỈNH	SỐ RUỘNG ha	THU HOẠCH Tạ	SỐ RUỘNG ha	THU HOẠCH Tạ	SỐ THU HOẠCH CHUNG BÌNH TỪ 1930 - 1939
Bắc-Giang	1.256	8.390	1.803	9.050	11.550
Bắc-Kạn	40	4.700	601	3.920	22.590
Bắc-Ninh	9.625	113.800	10.211	97.030	1.7430
Hà-Dông	11.126	119.030	11.276	113.260	111.950
Hải-Dương	1.670	28.130	1.720	18.800	12.720
Hà-Nam	2.861	32.710	2.905	24.690	25.370
Hòa-Bình	2.000	20.000	2.500	12.000	7.050
Hưng-Yên	12.000	190.000	11.600	174.000	159.490
Kiến-An	74	570	70	1.050	650
Lạng-Sơn	6.013	74.520	4.126	39.470	52.750
Lào-Kay	3.434	40.720	5.566	74.440	24.600
Nam-Định	1.801	15.980	1.882	15.220	39.760
Ninh-Bình	2.554	29.410	1.750	17.760	15.790
Phước-Yên	2.035	14.420	2.106	7.320	20.840
Phước-Thọ	4.660	46.120	5.097	4.067	43.750
Quảng-Yên	254	2.730	476	930	1.670
Sơn-Là	530	4.500	530	4.500	12.360
Sơn-Tây	2.913	50.800	3.738	4.506	53.950
Thái-Bình	3.366	44.490	3.298	3.905	36.250
Thái-Nguyên	1.330	11.460	1.750	6.010	6.080
Tuyên-Quang	942	6.560	1.310	11.910	4.230
Vĩnh-Yên	3.791	28.830	4.070	14.150	31.650
Yên-Bái	718	6.700	1.295	12.500	8.500
Tổng cộng :	75.431	894.870	79.749	770.518	823.980

II — Bảng kê ruộng giống khoai, sắn ở Bắc-Lý

TỈNH	1940	1941	TỈNH	1940	1941
Bắc-giang	3.736 ha	4.097	Hà-nam	2.437	3.044
Bắc-kạn	385	327	Hòa-bình	1.390	5.020
Bắc-ninh	6.827	6.732	Hưng-yên	10.304	10.852
Hà-dông	9.628	8.131	Kiến-an	3.164	3.501
Hải-dương	4.301	3.150	Lạng-sơn	—	2.014
Lào-kay	2.23	288	Sơn-la	96	100
Nam-định	2.673	2.636	Sơn-tây	6.013	5.372
Ninh-bình	2.737	1.903	Thái-bình	4.670	4.675
Phước-yên	5.070	4.510	Thái-nguyên	1.536	1.123
Phước-thọ	6.762	5.392	Tuyên-quang	348	101
Quảng-yên	820	287	Vĩnh-yên	3.897	3.319

Tổng cộng toàn xứ : 1940 = 77.007ha và 1941 = 87.132

**C. — Ở xứ ta có thể còn đất ruộng để khuyến
trưng việc trồng màu được không ?**

Trong số Thanh-Nghệ đặc sản chính-trị, tôi đã có dịp căn cứ vào 3 tỉnh Bắc-Ninh, Sơn-Tây, Phú-Thọ là 3 tỉnh giồng nhiều hoa-màu nhất, và kể cả thóc, ngô, khoai, sắn... thì dân-gian 3 tỉnh ấy tạm đủ ăn, đề xuy ra rằng ; trong hiện tình-nghề-nóng xứ nhà, thóc ăn thiếu tới 13.500 000 tạ đã đành ; mà nếu kể cả số thu hoạch khoai, sắn... của dân nghèo trồng được hàng năm, cũng vẫn chưa đủ bù vào chỗ thiếu thóc ấy cho dân được no.

Như vậy, ta có thể đi tới một kết luận rõ ràng rằng : Đồng thời với việc thi-hành chương trình chấn hưng nghề cấy lúa, dân ta cần phải lo khuyến-trưng mọi việc trồng màu, mà có lẽ ta nên khuyến khích việc trồng màu trước, vì công cuộc đó dễ hơn, mau thấy kết-quả hơn và lại giúp cho muốn dân dễ mưu đồ việc chấn hưng nghề nông về đại thể sau này.

1-) Công việc khuyến-khích trồng màu dễ hơn, vì đất ruộng để trồng màu còn sẵn có ở trung-châu và ở mạn-nguộc. Tại các ấp lớn, đại-da số ruộng trồng ngô, khoai (nhất là khoai lang vì dễ trồng và trồng vào lồi rào cũng được) vẫn bỏ cỏ từ tháng 10 đến tháng 5, bởi các chủ điền thì không đủ sức trồng hết. Hàng năm, hạng trung, điền-chủ vẫn để còn thừa những ruộng cao, đất bỏ không chịu giồng màu cho hết vì họ ngại tốn nhân công thuê mướn, vì họ thiếu phân bón (có bao nhiêu phân ruộng đều để giải bừa lúa), họ vì không quan tâm đến những việc mà họ coi như việc giồng giọt phụ. Cuối cùng đến những bọn nông-dân nghèo cùng khổn thì họ rất sẵn lòng muốn trồng được nhiều ngô, sắn vì quanh năm họ đã quen cầm hơi bằng khoai, sắn và họ cần phải có khoai sắn thì mới đủ sống, nhưng họ lại không thể trồng được nhiều bởi « thiếu lực », bởi không có ruộng. Cũng có khi dân nghèo đến mướn ruộng của các chủ ấp để trồng khoai vào dịp cuối năm, sau mùa

gặt. Nhưng hoặc vì bọn điền-chủ bắt phải chia khoai quá nhiều hoặc bởi một lòng ích-kỷ vô nghĩa lý nên dân-quê ít khi mướn được ruộng.

Xem vậy ta có thể phỏng đoán rằng quá nửa số ruộng có thể trồng màu được ở trung-châu, thứ nhất ở các tỉnh giáp-giới trung-du : Vĩnh-yên, Phúc yên, Bắc giang... hiện nay vẫn bỏ phí. Còn từ trung-du trở lên, biết bao nhiêu đôi bãi có thể khai khẩn để trồng sắn, ngô và các thứ khoai, đỗ. Trên mạn-nguộc, sau vụ ngô tháng tr, lại còn có thể trồng thứ đỗ tương thượng du (đỗ lạng), tới tháng 8, tháng 9 mới được hái. Nếu nông-dân biết luân chuyển việc trồng giọt cho khéo, ít mỗi năm, kỳ giồng đỗ lạng, thuộc loại légumineuses, là một thời kỳ để cho đất được hồi sức. Nếu không trồng đỗ lạng, thì dân vẫn reo vừng ngao (vừng mọc trên đồi) vào đầu tháng 5 đến cuối tháng 7 được cắt vừng. Qua tháng 8, tháng 9, họ trồng khoai lang, cho tới tháng giêng, rồi khoai thì tiếp đến vụ tra ngô, đỗ, và trồng sắn v. v.. Tôi còn chưa nói đến đất tới thứ thóc reo trên đồi (lồi hay mố) từ đầu tháng 5 đến tháng 9 thì gặt. Ở Trung-du, nếu sắn nhân công và phân bón thì suốt năm không tháng nào không trồng được màu và cứ 3 tháng hoặc 6 tháng, dân nghèo lại có thức ăn.

Đất ruộng để giồng giọt đã sẵn ; hoa màu lại trồng được thu hoạch, cách thức làm đất và chăm nom, dân quê đều quen biết cả. Nhưng họ cần được chỉ bảo thêm về việc chọn giống, việc luân-chuyển giồng giọt (calendrier agricole), việc bón phân và cách tìm cho ra nhiều phân bón ; họ lại cần phải được giúp đỡ lực vốn trong lúc bắt tay vào việc và nếu sau khi nội sự giồng giọt ấy đã được mẻ mang, có những hợp-tác-xã giúp họ việc bán các hoa lợi cho họ khỏi bị bọn nhà buôn rinh lúc « hơn đông kém bán » lợi-dụng : đó là những điều đại-công trong chương trình khuyến-khích canh-nông, mà đáng lẽ Ty-Khuyến-Nông (service de propagande et de vulgarisation agricoles) của

người Pháp đã đặt ra phải cố cho thi-hành từ lâu.

2) Khi mọi việc trồng mầu đã được khuếch trương, dân-quê sẽ no bụng hơn ngày nay, ắt đại-thể việc chấn-hưng nghề sẽ có hi vọng thi-hành dễ dàng.

Vì sao? Vì tình cảnh dân quê ta ngày nay tỷ như bệnh trạng một người ốm quá xuy nhược cần giải-phẫu. Trước khi giải-phẫu phải bồi-dưỡng cho sức mạnh-lên đôi chút. Khi bệnh nhân đã có lực, mới nên mổ sẽ dễ trừ tiết can bệnh được. Trong tình bình kiết-quê của hàng triệu tầng dân nghèo, nếu ta lôi cuốn họ nhảy những bước dài, ắt họ không thể kham được. Ta cần phải dìu-dắt họ từ từ và nhẹ nhàng cho họ có sức theo; phải đưa họ từ kết quả nhỏ nhỏ sang kết quả lớn hơn đôi chút; rồi mới đi tới được những hi-vọng to-tát và lâu dài. Vì vậy trong khi họ đang thiếu ăn, phải để họ trồng lấy những luống khoai mà ba tháng sau được rở; những bãi ngô mà 4 tháng sau được bẻ; cấy những ruộng ba giăng mà chỉ trong vòng 90 ngày, — kể từ khi gieo mạ, — họ đã được gặt. Những sự thu-hoạch mau ngày ấy khiến họ yên tâm không nơm nớp sợ đói và cũng mới có lực để lo việc cấy cấy lúa mùa cùng mọi việc giồng giết khác có nhiều hoa lợi hơn nhưng phải chờ đợi lâu ngày.

HOI TẠI :
MINH NGỌC

Tiệm giải khát
65, Phố Lò Đúc
HÀ-NỘI

SỮA SOJA

Đề thay các thứ sữa hiện nay không có. Các ngài chỉ nên dùng sữa SOJA chế theo khoa học đủ các chất bổ như sữa tươi.

Những bước đầu tiên để thành công sẽ làm phần khởi đề đi tới những đoạn đường giải và khó : tâm-lý dân-quê cũng như tâm-lý chung của tất cả hạng người có khối óc trung thường và thiên-cận.

Sau cùng, tôi cần phải nói thêm rằng : thực-hành chương-trình khuếch-trương mọi việc trồng mầu ở trung-du tức là thực-hành phần căn bản của chương-trình khẩn toang đồi, lũng ở miền đó, để lo việc di dân ở trung châu lên.

Vả lại, ngô, khoai, sắn, mọi thứ củ bột và các hạt có dầu, chẳng phải chỉ có thể dùng cho dân quê ăn thay gạo. Sau này, khi dân ta sản xuất được thóc ấy nhiều và thóc gạo cũng lại được dư-dật thì những nông-sản đó sẽ là nguyên-liệu cho mọi kỹ-nghệ nông-phổ thực-phẩm những ngành kỹ nghệ mà người ta phải nghĩ tới đầu tiên, khi muốn chấn-hưng nền kỹ-nghệ Việt-Nam trong buổi phôi thai.

NGHIÊM XUÂN YEM

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

KHÔNG PHAI MÀU — KHÔNG CẢN

BÁN Ở KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN

mua buôn hỏi

Ô. ĐỖ VĂN THIỆU

Boite postale N° 117, Rue Luce, — Vinh

XIN LƯU Ý

Sang đầu tháng giêng, bản giấy đã dọn lại số nhà, 7 phố Luce. Vậy từ nay thơ và điện tín, xin các ngài gửi về địa chỉ mới cho

MỘT TÂM HỒN NGHỆ SĨ

(NGUYỄN VĂN CUA SOMERSET MAUGHAM)

LÊ BÌNH CHÂN dịch

(Tiếp theo)

Strickland đã khá: Một hai hôm nữa, thì hẳn sẽ có thể đứng dậy được. Hôm ấy tôi ngồi trong buồng vẽ nói chuyện với Strøve.

Blanche đang khâu và hình như là vá lại 1 cái áo lót mình của Strickland. — Còn Strickland thì nằm ngửa trên giường không nói gì. Có một lần tôi nhấc thấy hắn nhìn Blanche bằng con mắt có vẻ khôi hài. Cảm thấy đerg. bị nhìn, Blanche ngược mắt nhìn lại. Bốn con mắt gặp nhau. Tôi không hiểu Blanche có ý gì. Nếu tôi không nhầm thì mắt nàng hình như phân vân lưỡng lự lắm, nhưng tại sao? và như có ý lo sợ. Một lát sau Strickland quay mặt đi và lo lắng nhìn lên trần nhà. Blanche vẫn nhìn Strickland và thốt nhiên, vẻ mặt nàng thực là khó hiểu.

Chẳng bao lâu, Strickland đã đi lại được. Hắn chỉ còn da bọc xương. Quần áo lủng thủng trên mình hắn như rễ rách trên một thừng bồ nhìn. Bộ râu hắn thưa cùng là mái tóc thầy tu, nét mặt mọi ngày đã to hơn thường, nay bị bệnh tật làm cho hốc hác thêm làm cho hắn có 1 vẻ thật là kỳ-đị, kỳ-đị quá thành ra người ta quên là nó xấu — Cái thân hình khẳng kheo và cao nhón của hắn không phải vì thế mà mất vẻ oai vệ. Tôi làm sao được cảm tưởng của tôi khi trông thấy hắn như thế?

Tuy thân hình gần như không có, chỉ còn phảng phất 1 chút da thịt, người ta không thể cho hắn là hoàn toàn sống 1 đời cao xa lý tưởng: vì nét mặt hắn có 1 vẻ dâm dục rõ rệt quá.

Nhưng, tuy nói thế thoát-tiên thực là trái ngược — cái vẻ dâm-dục của hắn thực là thoát tục (There was in him something primitive). Hắn có một vẻ cổ-ảo khác thường. Người ta có thể

cho rằng hắn đồng loại với những sức mạnh bị mặt mà người Hy-lạp ngày xưa bêu-riếu ra bằng những hình nửa người nửa súc vật, những quái vật đầu người chân dê trong truyện thời cổ. Tôi nhớ đến Marsyas bị diệt vì đã cả gan thi hát với thần Hinh như tâm tâm Strickland đang rung động với những âm điệu xa xôi và những ao bình bị hiểm. Tôi đoán trước cho hắn sẽ chết trong một cảnh đau đớn và thất vọng.

Còn yếu quá chưa làm việc được hắn ngồi im lặng trong buồng vẽ, không nói không rằng trầm ngâm với những giấc mộng mà giới biết được. Thỉnh thoảng hắn xem sách. Những sách hắn xem lại càng làm cho tôi lạ. Hào hứng chú-xem thơ Mallarmé, trằm lằm bằm đọc như một đứa trẻ con.

Những câu thơ âm điệu lạ-lùng và ý nghĩa tối-tâm đã mang lại cho hắn những cảm giác là bình ảnh gì? Hết Mallarmé hắn lại xem truyện trình thám của Gaborique — Những quyển sách hắn xem thực là bậy tỏ 1 cách rõ rệt tâm hồn kỳ lạ của hắn. Mà lạ thật! Trong khi còn yếu đau hắn đã không thèm để ý đến chỗ ăn nằm đứng ngồi. Strøve trái lại cẩn thận về vấn đề ấy lắm. Trong buồng vẽ của hắn có hai chiếc ghế bành đệm bông, và một cái divan rất rộng và êm. Strickland không bao giờ ngồi lên trên những ghế đó, không phải là hắn cố ý tỏ ra (stoïque) nhẫn-nhiên với sự nghi-tiền của sắc thịt — Một hôm tôi thấy hắn mình trong buồng vẽ, ngồi trên chiếc ghế đầu ba chân — Hắn không thích những ghế đệm bông — chiếc ghế trong bếp dùng cũng đủ cho hắn lắm. Trời! sao hắn làm cho tôi phục mình khó chịu thế! Tôi chưa bao giờ thấy người hoàn toàn thần nhiên với mọi sự quanh mình như vậy.

Hai ba tuần lễ qua. Một buổi sớm lịm xong một phần công việc, tôi tự cho mình nghỉ và vào Bảo-tàng Le Louvre dạo chơi. Tôi đang thờ thẩn ngắm những bức tranh mà tôi đã quen lắm và mặc cho trí tưởng tượng lang thang với những cảm tưởng đã vẫy nở trong lòng tôi trong khi xem tranh tôi bỗng trông thấy Stroove...

Trông thấy anh chàng lùn thấp và lằng xằng tôi không bao giờ không mỉm cười, nhưng lại gần thì tôi thấy hắn có một vẻ đau đớn khác thường.

Hắn có cái vẻ ốm và tức cười của một thằng cha từ ấy xuống nước với tất cả quần áo để tự tử mà bị người ta vớt lên: kẻ mặt tiêu nhủ và thắm-dam của một người vừa run sợ vừa nhận thấy mình đang ở trong một trường hợp tức cười.

Hắn quay lại, đưa mắt nhìn tôi... nhưng như không nhận được ra tôi. Sau kính đôi mắt xanh của hắn như mất hết tinh-thần.

— Stroove! tôi gọi.

Hắn đặt mình, và mỉm cười, cái cười thương hại của những người đau đớn mà vẫn cười.

— Anh đi đâu mà trông như chó mất đuôi thế? tôi vui vẻ hỏi.

— Đã lâu nay tôi chưa vào đây. Hôm nay tôi lại xem có tranh ảnh gì mới hay không?

— Tôi tưởng anh cần một bức tranh phải vẽ xong trước buổi nhặt này?

— Strickland ngồi vẽ trong buồng tôi.

— Thế sao?

— Chính tôi bảo hắn. Hắn chưa đủ sức về nhà tôi nghĩ rằng hắn cần ngồi vẽ trong buồng với tôi (tức không sao. Bao nhiêu anh em bạn chung nhau một buồng vẽ! Tôi cứ mong có một người bạn bên cạnh vừa làm việc vừa nói chuyện.

Hắn vừa nói vừa ngáp (tức có vẻ ngượng ngịu). Đôi con mắt « súc-vật hiền-lành » của hắn nhìn tôi qua làn nước mắt trong.

— Thế sao? tôi hỏi. Tôi không hiểu gì cả.

— Strickland không muốn làm việc chung với ai trong buồng vẽ.

— Anh nói lạ, xương vẽ của anh kia mà! Cứ tưởng cõ nó ra.

Stroove nhìn tôi, vẻ uất thương-hại.

— Thế rồi sao? tôi gần hỏi:

Hắn ngẩn ngừ và đỏ mặt. Con mắt tiêu-nhủ của hắn quay vào phía một bức tranh.

— Hắn bảo tôi đừng vẽ nữa và đuổi tôi ra ngoài.

— Sao anh không bảo nó cút đi?

— Nó đẩy tôi ra. Tôi sức đâu mà đánh nhau với nó? Nó cầm mũ tôi vút ra đường và khóa cửa lại.

Tôi vừa nghe chuyện vừa căm vừa giận.

Tôi lại vừa giận cả mình vì vẻ mặt tiêu-nhủ của Stroove chỉ làm cho tôi buồn cười.

— Thế vợ anh có bảo gì không?

— Nhà tôi đi chợ.

— Liệu nó có để cho chị ấy vẽ không?

— Tôi không biết!

Tôi phả vắn nhìn Stroove. Hắn chẳng khác một anh học trò cõp bài thi bị bắt quả tang.

— Anh có muốn tôi đuổi nó đi chờ anh không? Stroove đặt mình, đỏ mặt và nói:

— Không. Anh không nên can dự vào. Như thế hơn. Hắn chào tôi rồi rảo cẳng ra đi. Xem ra hắn không muốn nói đến chuyện ấy nữa. — Tôi đành chịu không sao hiểu được.

XXV

Một tuần lễ sau thì tôi được biết rõ mọi sự — Lúc bấy giờ vào khoảng mười giờ đêm. Tôi ăn cơm ở khách sạn về nhà đã được một lúc và đang xem sách. Nghe thấy có tiếng chuông tôi đứng dậy mở cửa. — Stroove sừng sững đứng trước mặt tôi.

— Tôi có vào được không? hắn hỏi.

Ngoài hiên tối, tôi không nhìn rõ mặt hắn. Nhưng dụng nôi của hắn làm cho tôi phải ngạc-nhiên. Tôi biết rằng hắn không say rượu nếu không tôi sẽ cõ là hắn say. Tôi đưa hắn vào buồng khách và kéo ghế cho hắn ngồi.

— Nhờ giới tôi còn tìm được anh, hắn thốt ra và ngồi phịch xuống ghế.

— Anh làm sao? tôi hỏi, không hiểu tại sao hắn lại bối rối đến thế.

Bây giờ tôi nhìn hẳn rõ lắm. Ngày thường hẳn ăn mặc rất cần thận cho nên hôm nay quần áo sộc sếch lại làm cho tôi thêm lạ. Tôi chắc hẳn say, tôi mỉm cười, và đang sắp chế hân.

— Tôi không còn biết đi đâu! hẳn kêu to. Ban nãy tôi đã qua đây nhưng anh không có nhà.

— Tôi ăn cơm tại khuya

Tôi đã thay ý kiến. Không phải rượu đã thay đổi hẳn như thế!

Nước da ngày thường rất trắng của hẳn thì hôm nay nhạt hẳn. Hai tay hẳn run lẩy bẩy.

Tôi hỏi:

— Có chuyện gì xảy ra?

— Blanche đã bỏ tôi đi!

Hắn nói không ra nhờ. Lát sau hẳn gặc và nước mắt dần dần chảy lên hai má. Tôi kinh ngạc không biết nói sao. Tôi cho rằng vợ hẳn không sao chịu nổi thái độ của chồng đối với Strickland và đã bỏ buộc chồng phải đuổi cô hẳn đi. Tuy có một thái độ lúc nào cũng bình tĩnh tôi biết Blanche là một người rất cả quyết, và nếu cần có thể làm được: nếu Stroeve đã kháng-kháng không chịu, Blanche có thể bỏ nhà và thề sẽ không bao giờ bước chân về. — Khác hẳn với mọi khi, vẻ mặt đau đớn của Stroeve lần này không làm cho tôi cười được nữa. . .

— Thôi, anh hãy an tâm.... Không nên khổ sở như vậy. Rồi anh sẽ gặp chị ấy. Đàn bà họ cầu không lâu đâu?

— Anh không hiểu? Nhà tôi yêu Strickland!

— Anh nói gì?

Tôi đặt mình, nhưng ý nghĩ vừa thoáng qua cũng đã làm cho tôi không tin. Thật là vô lý!

— Sao anh ngây thơ đến thế! tôi hỏi. Anh ghen với Strickland hay sao?

Tôi cố nhin cười.

— Anh còn nhớ rằng trông thấy Strickland cũng đã làm cho chị ấy nhăn mặt?

— Anh không hiểu, Stroeve nói — giọng nói đên-dĩ.

— Thôi! anh lú mắt rồi, tôi gắt nói. Để tôi cho anh một cốc Whisky.

Tôi đổ vì một lẽ gì không rõ — giới mời hầu được bụng ngờ là hay tìm cách làm cho mình đa ị kiêu — D رک nghĩ vợ mình « có gì » với Strickland.

Với cái vẻ vụng về của hẳn ta, dù là ghen hằn cũng vụng về, hẳn đã làm cho vợ phật ý. — Muốn làm cho hẳn thêm tức, Blanche đã tìm cách làm cho hẳn thêm nghi.

— Này, tôi bảo anh, anh nên đi về. Nếu anh có quá tài anh nên liệu mà nhận lỗi. Anh đang bảo với tôi là vợ anh hay dận lâu.

— Về sao được! Stroeve nói, động thắm đạm và một nhọc. Chúng nó ở cả đấy. Tôi bỏ nhà cho chúng nó.

— Thế ra không phải vợ anh bỏ đi, mà chính anh bỏ đi?

— Tôi xin anh, đừng nói như thế!

Tôi không cho câu chuyện ấy là có thực. Tôi không tin lấy 1 chữ. Nhưng Stroeve thì thật là có vẻ khổ sở lắm.

— Thôi được anh đã đến đây thì kể lại cho tôi nghe từ đầu.

— Trưa hôm nay thì tôi không sao chịu được nữa. Tôi bảo Strickland bây giờ đã bình phục thì nên về nhà mà ở. Tôi cần đến xưởng vẽ của tôi.

— Cố nhiên. Chỉ có Strickland mới cần phải đề người ta nhắc như vậy. Tôi nói — Thế nó giả nhờ ra sao?

— Nó cười! anh biết cái cười nó chứ? Không phải là cái cười vui-vẻ, nhưng cái cười chế riễu tôi, cho tôi là đồ ngốc. Nó bảo tôi là nó đi ngay. Nó bắt đầu sắp sửa quần áo. Anh còn nhớ chính tôi lại buồng hẳn, đem hết quần áo oằn dùng về nhà tôi cho hẳn; Nó bảo Blanche cho nó 1 tờ báo và một sợi dây để gói cả lại, Stroeve ngừng và hờn hằn thở như sắp muốn lẫn xuống đất. Câu chuyện của hẳn đến chỗ bất thành linh.

Blanche cảm động lắm. Mặt tái nhợt, nhà tôi đem giấy và dây cho nó. Nó thì không nói gì. Nó vừa huýt còi vừa gấp quần áo, không thèm để ý đến chúng tôi.

Hai mắt nó long-lanh đầy 1 vẻ tỉnh ma quỷ-quái. Lòng tôi nặng như chì. Tôi hối đã nói quá. Nó tìm mụ. Lúc ấy nhà tôi nói :

— Tôi đi với Strickland. Dirk, tôi không thể ở với mình được nữa.

Tôi định nói, nhưng lưỡi như lưu lại. Strickland thăm-nhiên như thường. Nó vẫn huyết sào như không biết đến chuyện gì.

Stroeve ngừng lại, lấy khăn tay lau mặt. Tôi im lặng. Tôi không còn nghi-ngờ gì nữa. Nhưng vẫn chưa hiểu.

Với một đợt đùn-đùn nước nở, Stroeve kể nốt cho tôi nghe :

Stroeve lại gần, ông lấy vợ nhằng bị đẩy ra. Hẳn cố nặn nỉ cầu khẩn vợ đừng bỏ hẳn. Hẳn nhắc lại yêu vợ đến bậc nào, nhắc lại đến những giờ đã qua, giọng nói cảm-động, vaù-loa, không hề dạn dối... Nhưng vô ích.

— Dirk, mình nên tề cho tôi đi !

— Mình không thấy rằng tôi yêu Strickland ? Strickland đi đâu tôi đi đấy.

— Nhưng mình nên nhớ rằng hẳn sẽ không bao giờ làm cho mình sung sướng.

Mình nên nghĩ lại đến mình đã — không nên đi. Mình không thể ngờ được nhưng sự chờ đợi mình sau này :

— Cái đó là tại mình. Chính mình đã đem hẳn lại đây.

Stroeve quay lại nói với Strickland.

— Ông nên thương đến vợ tôi, ông đừng để cho vợ tôi làm 1 sự điên rồ như thế !

— Cái đó là tùy vợ ông ! Có ai bắt bà ta phải theo tôi đâu !

— Ý tôi đã quyết. Blanche nói với một giọng bình thản.

Cái vẻ thản nhiên hốt sực của Strickland làm cho Stroeve không còn được tự chủ được nữa. Vô cùng tức giận, hẳn liền lăn sả vào tùm lầy Strickland. Bị đánh một cách bất thành linh Strickland lảo đảo nhưng tuy vừa ôm khối, hẳn không phải là không có sức. Vài phút sau Stroeve đã lao xuống vầu.

— Nhái con ! Strickland nói.

Stroeve lóp ngóp bỏ giấy. Vợ vẫn thản nhiên. Bị « đo ván » một cách tức cười như thế trước mặt vợ làm hẳn càng thêm đau khổ. Trong khi vật nhau kinh rơi đầu mất. Stroeve không sao tìm thấy. Blanche cúi nhặt và không rói gì đưa cho chồng — Stroeve bồng gục mặt vào hai bàn tay khóc nước nở. Mọi người đều nhìn hẳn không ai nói năng gì.

— Mình ơi ! Stroeve dền-dĩ. sao mình nhẩn tâm thế được ?

— Dirk ! Có phải lỗi tại tôi đâu !

— Chưa 1 người đàn bà nào được âu yếm thờ-phụng như mình ! Nếu mình có sự gì không bằng lòng tôi sao mình không nói ? Tôi sẽ sửa đổi. Tôi không còn tiếc mình cái gì !

Blanche lạnh lùng không giả nhời. Dirk chỉ làm cho nàng thêm khó chịu. Nàng khoác áo tơi và cầm mũ đi ra phía cửa. Một lát nữa, nàng sẽ đi không bao giờ trở lại. Dirk vội vã chạy theo và không còn nghĩ gì đến thế điện, quý ngay xuống đất nắm tay vợ :

— Mình ơi ! mình đừng đi, không có mình tôi sống sao được ! tôi sẽ tự tử. Nếu tôi đã làm mình phát ý thì tôi xin mình tha thứ cho. Mình để cho tôi một dịp may cuối cùng... Tôi sẽ cố xử cho mình được hài lòng, sung-sướng.

— Dirk ! Mình đứng dậy. Mình thật là trò cười ! Stroeve đứng dậy nhưng vẫn nắm lấy tay vợ.

— Mình đi đâu bây giờ ? Stroeve hốt hện nói. Mình không thể ở đây được. Thật là tởm ?

— Tôi chịu được, có việc gì đến mình ?

Mình chờ một phút, mình nghe tôi, lần này thì mình không còn từ chối được nữa.

— Ích gì ! Tôi đã quyết và không gì làm cho tôi đổi ý. —

Stroeve không thể được nữa và dợ tay dề lên tìm cho đỡ đau.

— Tôi không xin mình đổi ý... nhưng mình hãy nghe tôi một phút. Đó là lời yêu cầu cuối cùng của tôi và xin mình đừng từ chối.

(Còn nữa)

LÊ BÌNH GHÂN dịch

NHẬT XUẤT

(KỊCH ĐÓN MÀN)

Nguyên văn của TÀO - NCU

ĐẶNG THAI MAI dịch

(TIẾP THEO)

Lộ.— Chúng nó đi rồi hẳn.

Phúc.— (Thở dài) Đi rồi, có lẽ chúng nó qua bên này.

Lộ.— Nếu vậy để tôi xem (Mở cửa định lo đầu ra ngoài)

Con bé.— (Như lấy Lộ) Cô ơi, cô ơi!

Phúc.— Thôi cô, đừng gây chuyện cùng chúng nó là hơn.

Lộ.— (Bảo con bé) Đừng sợ, không cần. (bảo Phúc) Bác bảo thế nào, không có lẽ...

Phúc.— Đừng gây chuyện với chúng nó là hơn. Trêu chúng nó không được đâu.

Lộ.— Mà sao kia chứ?

Phúc.— Chúng nó có bé có đảng, cả bọn thủ hạ của chúng đều là tội lỗi mạng cả.

Lộ.— Những chúng nó cũng có lý mới được chứ! Ai đời đánh con bé đến thế này, bác xem (lật áo con bé cho Phúc xem) Ai lại lấy dục tâu đánh con người ta máu chảy lại lãng thế này. Không khéo tôi kiện giùm nó kia.

Phúc.— Úi ohao! kiện chúng nó? Mà cô kiện cùng ai? Quan tư ở đây chúng nó quen hết, kiện thế nào? Mà đầu quan xử cho cô được nữa, chúng nó cũng sẽ thủ cô đến chết mới nghe.

Lộ.— Nếu thế thì.... thì không lẽ lại đem con bé này giao giả chúng nó ư?

Con bé.— Ấy chết! Đừng, đừng cô ạ, con van cô.

Phúc.— (Lắc đầu) Câu chuyện khó xử hết sức. Cháu nghĩ, lại chi hơn là cô cô ngoan ngoan đem con bé giả lại cho chúng nó là xong. Ai đời cháu vừa nghe bảo là con bé vừa đánh cụ Bát Kim một bạt tai. Cụ Bát còn đang tức, cô không biết sao?

L — Cụ Bát Kim là ai kia?

Con bé.— Thưa cô chính là cái lão béo mập đen sì ấy.

Phúc.— Ui chao! Nhà cụ Bát Kim! Nhà triệu phú, vừa tiền tài nhiều, vừa thế lực to bực nhiều. Anh chị chúng này đều tôi tớ cụ cả. Cô còn chưa biết kia ư?

Lộ.— (vẻ kinh ngạc) Thế nào kia? Bát Kim là nó à? Sao Bát Kim cũng đi lại chỗ này kia chứ?

Phúc.— Sao lại không? Ở nhà chưa vừa lòng thì đến đây chơi. Cô tiền, muốn làm gì chẳng được.

Lộ.— Bát Kim, Bát Kim! (bảo con bé) Số mạng mày đến khế, thì lên sao mà lại gặp ngay lão Diêm vương ấy kia chứ? Mày đánh nó đấy à?

Con bé.— Vâng. Ông ấy liều mạng hết sức đấy con, con rầy ra không được, con phải đánh; con mới dám vào nơi cái mà phệ đánh một bạt tai khá mạnh kia.

Lộ.— (nói một mình) Mày đánh ngay lão Bát Kim.

Con bé.— Nhưng còn thì à cùng cô, từ nay về sau con sẽ không đánh nữa.

Lộ.— Đánh lão Bát Kim, đánh được lắm chứ, ai mà không thích?

Phúc.— (sợ hãi) Cháu thưa với cô, cháu phải nói trước rằng trong câu chuyện này cháu không biết gì đâu đấy. Đầu cô có động lòng thương đập điểm cho con bé này, thì đây là việc cô cô làm cháu cháu biết gì đâu đấy. Rồi lát nữa, nếu chúng nó sẽ hỏi cháu...

Lộ.— Được mà, bác cứ bảo là bác không thấy gì sốt,

Phúc.— (Nhìn con bé) Không thấy thế nào nữa?

Lộ.— Tôi bảo bác phải nói là không thấy.

Phúc.— (Sợ hãi) Nhưng...

Lộ.— Có việc gì trách nhiệm về tôi mà.

Phúc.— Vàng, vàng, vàng, trách nhiệm về cô..
Nói thật giờ này, trên có ngọn đèn điện, dưới có sàn nhà, nhưng đây là cô truyền cho cháu làm vậy.

Lộ.— Thì đã hẳn : tôi nói một lời là một lời
Bây giờ nãy ra mời cụ chủ ngân hàng vào đây.

Phúc.— Thế nhưng sao vừa rồi cô lại bảo cháu đừng đề cụ ấy vào?

Lộ.— Tôi bảo đi, bác cứ đi đi, đừng nói nhảm.

Phúc.— Vàng, vàng, vàng.

(Phúc đi ra).

Lộ.— (hỏi con bé) Mày ăn chứ?

Con bé.— Con vừa ăn được hai miếng thôi

Lộ.— Thế nào?

Con bé.— Con.. Con.. Con chưa no.

Lộ.— Thế thì ăn no đi.

Con bé.— Thôi ạ, con chẳng ăn nữa.

Lộ.— Sao lại thôi?

Con bé.— Thưa cô, con sợ, con sợ quá kia,
(Khóc nức nở).

Lộ.— Đừng khóc, đừng khóc mà.

Con bé.— Thưa cô cô đừng giao giả con cho chúng nó.

Lộ.— Không đâu. Mày đừng khóc, đừng khóc
mày nghe không : có tiếng người ngoài kia đấy.

(Con bé lập tức nín khóc, nín cả thở
nhìn về phía ngoài.

Phan nguyệt Đình.— cụ chủ ngân
hàng, một khối to sù sù đi vào, đầu tóc đã
bạc, bước chậm chạp. Vừa thấy Lộ,— Kể
ra tuổi Lộ còn trẻ hơn con út của cụ,— cụ
bằng phần chần nhón nhện hất lên Dưới
tầng trán hói, một đường sống mũi to phèn
phẹt hai chòm râu chĩa, cặp n ói giầy, cụ sẽ
cười ra rả luôn luôn luôn trong lúc trò
chuyện, lộ cả bộ răng vàng.

Nguyệt Đình.— Ấy Lộ, anh biết mà, anh biết
thế nào em chẳng tìm anh. Ủi chao ! anh chờ em
suốt một đêm ròng. May có tham Thanh lại nói
chuyện ngân hàng, không có thì buồn chết
người đi được. Sai người qua hỏi em, lần đầu,
nó về báo em chưa về ; lần từ hai cũng vẫn :
em chưa về ! Em tính : anh nói em ăn cơm
cùng anh, em từ không tới ; anh mời em nhảy
cùng anh, em cũng không đi ; anh mời em....
Nhưng.... (mất hồn hờ) anh biết mà, thế nào
em chẳng tìm anh !

Lộ.— (Nhìn ngang) Anh tin vào ma lực
cảm dỗ của anh đến thế kia ư?

Nguyệt Đình.— Đáng tiếc quá đi mất ! Lộ
không được thấy tôi hồi còn trẻ tuổi ấy mà....

Lộ ạ, hồi ấy.... (bảo Phúc) (1) Thôi, anh ra
đi, đừng dấy làm gì?

Phúc.— Bấm cụ, vàng.

(Phúc đi ra)

Nguyệt Đình.— (Nói khẽ) Anh biết mà, thế
nào mà em chẳng nhớ anh ! (Vẻ đau tình) Hẳn
chứ ? Em nói đi anh nghe nào, nói là em nhớ
anh, phải thế không nào ? (Cười ha hả)

Lộ— Vàng, em nhớ anh đấy....

Nguyệt Đình.— Phải rồi, anh hiểu mà : em
là người nhiều lương tâm lắm kia.

Lộ— Mà này : em nhờ anh giúp em một việc
đã nhé.

Nguyệt Đình.— (cố ý cau mày) Ấy lại giúp
em việc này, giúp em việc kia ! Thấy mặt
là cô chỉ chừng ấy chuyện : cô chỉ chuyên môn
liệu lý những việc vặt vãnh đâu đâu ấy !

Lộ— Làm sao mà anh biết kia?

Nguyệt Đình.— Lại gì, thằng Phúc nói cùng
anh hết đầu đuôi rồi.

Lộ.— Thế anh có giúp em không nào.

Nguyệt Đình.— Té ra con bé này....

Con bé.— Bấm lại cụ....

Lộ.— Anh xem nó có tội nghiệp không ? Nó...

(1) Trong nguyên văn không thấy chỉ rõ Phúc
giờ vào lúc nào. Có lẽ lúc Nguyệt Đình đến thì
Phúc cũng theo sau.

Nguyệt Đình — Được rồi, anh biết rõ đầu đuôi rồi, trở đi trở lại chỉ chừng ấy chuyện.

Lộ — Thế nào, anh có giúp em không thì bảo.

Nguyệt Đình — Được rồi, anh giúp, anh giúp chứ, làm gì mà cứ ồm tỏi lêu, ...

Lộ — Kia con bé, mày cần ơn cụ chủ đi chứ.
(*Con bé định qui xuống*)

Nguyệt Đình (*ngắm con bé không chớp mắt*)
Được rồi, được rồi. Mà *Lộ* này, em cứ tìm những chuyện đầu đầu phiền cho anh thế này.

Lộ — Anh nghe không. (*Tiếng người ồn ào ở phía ngoài*) Hình như chúng nó lại giở lại ngoài này ấy. Con bé kia, mày đi vào (*Chỉ vào phía tay phải*) trong này đi.

(*Con bé đi vào*)

Tiếng một người đàn ông phía ngoài — Vào cửa này phải không?

Tiếng một người đàn ông khác — Phải rồi.

Lộ — (*bảo Nguyệt Đình*) Hình như chúng nó chỉ cửa phòng này ấy.

Nguyệt Đình — Thì đã hẳn đi rồi.

Tiếng người đàn ông thứ nhất — Khéo lại lắm: có phải thấy nó vào đây không?

Tiếng người đàn ông thứ hai — Phải rồi.

Tiếng người đàn ông thứ nhất — Chưa ra khỏi chứ?

Tiếng người đàn bà — Kia, xem kia, đã đi đến trước cửa rồi còn ngập ngừng gì nữa kia.

Tiếng một người đàn ông thứ ba — Khoan hãy: nhìn kỹ xem không khéo lại lắm.

(*Tiếng cả mấy người đàn ông ồn ào nói lúc*)

Lộ — Kia anh Chủ, anh chờ chúng nó vào làm gì? Anh mở cửa ra bảo chúng nó rút đi xem nào.

Nguyệt Đình — Mấy thằng này hình như anh cũng biết mặt cả ấy: anh bảo là chúng nó đi chứ gì.

Lộ — Quý hóa quá, em cảm ơn anh, cảm ơn anh hết sức. Anh thiệt tốt quá.

Nguyệt Đình — (*Lười*) Từ lúc tôi quen cô lần này là lần đầu tiên em mới cảm ơn anh đấy nhé.

Lộ — Tôi cũng mới lần này là lần đầu tiên mà anh tốt lòng rùng em.

Nguyệt Đình — Ấy sao em lại chọc tức anh thế kia? Nay em *Lộ* này, em ...

Lộ — Khoan hãy, đừng ồn, bảo chúng nó đi đi đã.

Nguyệt Đình — Được rồi (*đưa tay vặn crémone định mở cửa*)

Lộ — Mà anh phải biết đấy nhé: con bé này ấy mà: lão Bát Kim cảm phờ người ra với nó rồi đấy.

Nguyệt Đình — Lão Bát Kim, thế nào? (*Ừng tay không mở cửa vội*)

Lộ — Nó vừa làm cho lão Bát Kim phát tức lên đấy.

Nguyệt Đình — Thế nào kia hở? Bát Kim thích nó rồi kia à?

Lộ — Ủ mà, thằng Phức chưa nói cùng anh kia à?

Nguyệt Đình — Đâu, đâu! Đây mà cô giữ hồn đấy. Nguy hiểm đấy không chơi đâu (*giở vào*)

Lộ — Thế nào kia? Anh đổi ý định rồi kia ư?

Nguyệt Đình — Tôi không biết, cái lão Bát Kim này không phải tay vừa cô nghe không? Gái lão này nó chẳng quâu gì đâu! Gì nó cũng làm được hết ấy.

Lộ — Thế nghĩa là anh không giúp em chứ gì?

Nguyệt Đình — Không phải là tôi không giúp cô nhưng thiệt là tôi giúp cũng không được nữa. Mà tôi hỏi cô: một đứa con gái nhà quê như nó, hà tất cô phải...

Lộ — Thôi cụ không giúp tôi thì thôi, đừng ngăn cản tôi, đừng ngăn cản tôi làm gì.

Nguyệt Đình — Ấy kia!.. Ấy kia!

Tiếng người đàn ông — Gõ cửa đi, nhất định nó ở trong này rồi, không đâu hết.

Tiếng người đàn ông khác — Thế nào?

Tiếng người đàn ông thứ ba — Xem đây này, chẳng phải khăn bà cả đây là gì? Con bé chẳng phải khoác áo bà cả trốn là gì?

Tiếng người đàn bà — Đàng rồi, khăn mặt tôi đây rồi.

Tiếng người đàn ông thứ nhất.— Thế thì nhất định nó vào cửa này rồi nhất định nó ở trong này. Mở cửa, mở cửa đây.

Lộ.— Đừng sợ nhé.

Nguyệt-Dinh.— (Nĩa tay Lộ) Thôi kệ chúng nó.

Tiếng mấy người ngoài cửa.— Mở cửa, mở cửa đây, chúng tôi tìm người.

Lộ.— Anh Chủ, anh đi vào trong kia đi kéo rồi lại sợ hãi. Tôi mở cửa cho chúng nó vào đây.

Nguyệt-Dinh.— Chớ đấy, Lộ ạ.

Lộ.— Anh vào đi (Chỉ về phía tay trái) Vào ngay đi... Tôi đến tiết lên rồi.

Nguyệt-Dinh.— Được, để tôi vào, tôi vào.

Lộ.— Thì vào mau lên.

(*Nguyệt-Dinh đi vào cửa bên trái, Lộ mở rộng cửa giữa.*)

Lộ.— (nổi về phía ngoài cửa) Các bác vào đây xem nào ! Tìm ai kia ?

Tiếng một người đàn ông.— Bà còn hỏi chúng tôi tìm ai kia ? (Nói với tụi đằng sau) Vào đây chúng mày vào cả đây tìm xem nào.

Lộ.— (bỗng làm ra mặt dữ) Đứng lại đấy Cùng vào thế nào ? Ai cho các anh vào mà vào. Người đầu ăn uống như gì mà to béo đến thế. Người đầu mà không biết một tí lễ phép gì cả là nghĩa làm sao ? Các bác đi soát cửa xem đây à ? Đây thuốc đạn cũng có, súng trường cũng có chớ thiếu thứ gì hết, cả dấu gì các bác đâu. (Chỉ về phòng bên trái) Này nè bên này năm trăm cân thuốc súng, (chỉ về phía bên phải) còn bên này có tám chục khẩu súng trường đây này. Các bác muốn gì nói đi xem nào. Cả tụi vào đây cũng vừa kia (Cả tụi ngoài cửa bỗng đứng im) Các ông vào đi, vào mà chơi ! Kia không vào à ? To béo đến tận thế mà sợ gì kia ?

Người đàn ông thứ ba.— Vào thì vào chứ làm gì nhau ?

Người đàn ông thứ nhất.— Đồ ngu, ai bảo, mày vào kia, đi ra nào.

Người đàn ông thứ ba.— Ừ thì ra. Mà làm sao kia chứ ?

Người đàn ông thứ nhất.— (Cười) Tورا bà đừng gài. Bà đồng tính quá, nếu chúng cháu không có việc gì cần kíp thì làm gì mà đến quấy bà ở đây. Nhưng chúng cháu có con bé vừa mới trốn đi đâu mất ấy, nó lại làm việc phi pháp. Chúng cháu tới đây cũng chỉ đi tìm nó và chỉ sợ là nó sẽ trốn lẫn vào đâu trong phòng rồi không khéo lẩn lụy đến bà thôi chứ.

Lộ.— A, tở ra cả tụi nhà các anh đến đây là để đi tìm một con bé đấy phải không ?

Người đàn ông.— Thế thì chắc là bà vừa thấy nó đi vào đây chứ gì ?

Lộ.— Xin lỗi : chả thấy gì sất ?

Người đàn ông.— Nhưng vừa rồi có người lại thấy nó vào đây nữa kia.

Lộ.— Vào trong phòng tôi ấy à ? Nếu thế tôi phân vua cho các bác biết ngay rằng nếu tôi mất gì là các bác phải chịu trách nhiệm đấy nhé.

Người đàn ông.— Thưa với bà nó cũng chẳng phải đâu là người nhà chúng tôi. Thôi thì bà giúp chúng cháu vậy, cháu chắc rằng : cụ Bát Kim nhà cháu, thế nào mà bà chẳng....

Lộ.— Cụ Bát Kim à ? Các bác quen đây à ?

Người đàn ông.— Thưa quen thì chẳng dám nói nhưng nghĩa là chúng cháu thường vẫn đi lại giúp cụ ít việc vặt.

Lộ.— Nếu vậy thì tôi cho các bác biết rằng : chính cụ Bát vừa bảo tôi nói với bao nhiêu người ở đây rút ra khỏi hộ cụ ấy đi.

Người đàn ông.— Thế ra cụ Bát gặp bà

Lộ.— Muốn gặp cụ ấy thì vào đây.

Người đàn ông.— Không có lẽ, chúng cháu vừa đưa cụ ra khỏi khách sạn kia mà.

Lộ.— Nếu vậy thì cụ ấy lại giữ vào mà các bác không thấy đấy.

Người đàn ông.— Lại giữ vào... Thế để chúng cháu xin vào hầu cụ một chốc : chúng cháu còn có việc muốn thưa lại cùng cụ (Ngỏảnh lại nói với mấy người kia) Anh em nghĩ thế nào ?

(Còn nữa)

ĐẶNG THÁI MẠI dịch

Nạn nhân - nạn và việc di - dân

(Tiếp theo trang 8)

quyết cái vấn-đề dân số quá quật trong ấy : vấn-đề thiếu ăn, cần phải huy động mọi lực lượng của Đoàn thể. Ta từ nghĩ khi ở xứ Đông-Dương có những nhà máy đồ sộ dùng từng hàng vạn tấn trong vài ba thành-phi-ổ kỹ-nghệ gồm tới 4 triệu hay nửa triệu người thì số người lúc nhúc ở đồng ruộng hẳn phải vội di một phần lớn. Hoặc những công cuộc xây đập đào cống dẫn nước tháo nước đã hoàn bị làm hầu hết các ruộng đều cấy được hai mùa. — những ruộng hai mùa hiện nay mới chiếm một nửa diện tích miền Trung châu, — hoặc khi các việc đổi mới kỹ thuật giồng gieo (chọn giống tốt, dùng phân hóa học v.v..) đã đem lại số hoa lợi gấp bội từ 15 tạ một mẫu tây lên tới 20 tạ, chẳng hạn ở và nước Á đông khác : một mẫu tây ruộng sản xuất được 30 tạ thóc thì cái số gạo chia cho mỗi nhân khẩu hẳn không phải thiếu lắm như bây giờ.

Đồng bằng miền Bắc đất chật người nhiều, bình nguyên miền Nam và các vùng đồi núi đất rộng người thưa. Fem sản sẽ dân cư miền trên đến giồng gieo ở các miền dưới, cái phương kế di-dân khẩn hoang ấy thoạt nghe có vẻ tự-nhiên và dễ dàng. Nhưng sự thực nó cũng khó khăn như những lối giải quyết kia. Có chăng nó được hưởng những điều kiện tự-nhiên thuận tiện hơn : đã khẩn hoang người ta có thừa thãi cái bộ máy làm việc là bắp thịt người, và vốn giồng một phần lớn tạo hóa hiến cho, ấy là đất đai giồng gieo được...

Ta thử tính xem những đất cằn thừa đem khẩn-trị liệu có thể dùng được bao nhiêu nhân mạng. Ta hãy tạm đề riêng hai xứ Lào và Cao Miên ra vì những nhờ thuộc về chính-trị. Chỉ gần kề nhưng đồng hoang ở Nam-Kỳ và những vùng đồi núi. Theo ông Gourou thì ở hai vùng, « Cảnh đồng sậy » (plaine des Joncs) và miền tây xứ Nam-Kỳ (các tỉnh Hà-Tiên, Rạch-Giá, Châu đốc, Long-Xuyên, Bắc-Liêu) những đất dùng để di - dân

được sắp là 1 triệu cây sậy ở miền đông bằng Bắc Kỳ nếu chỉ tính mỗi cây sậy ruộng nuôi được 10 người vì là ruộng mới, thì người ta có thể đem đến lập-nghiệp ở đây một số dân là một triệu người. Ở Bắc Kỳ, miền trung du và thượng du chiếm 100.000 cây sậy ruộng, trừ những chỗ dốc quá tay toàn đá hay đất lẫn sỏi và rậm quá (latérite) nhưng khu rừng phải giữ thì còn lại khoảng 40% tức là 40.000 cây sậy ruộng. Nhưng ở các miền này nếu giồng ngũ cốc (cultures vivrières) thì phải dùng lối làm rẫy, nghĩa là đốt rừng, giồng gieo xong một vụ lại bỏ hoang, 20 năm sau, lại ấy lại thành rừng như cũ để có thể lại đốt và giồng gieo. Như thế cứ 20 năm giồng được 2 lần, thì 40.000 cây sậy ruộng đất cũng chỉ bằng như 4000 cây sậy mà năm nào cũng cấy cấy. Nếu tính mẫu tây giồng gieo nuôi được 4 người thì cả miền trung du và thượng du Bắc-kỳ chỉ nuôi được 1.600.000 người. Miện thời các thổ-dân mạn ngược đã có khoảng 1 triệu người. Vậy số dân di cư ở đây xuôi lên sẽ không quá 600.000 người.

Nhưng đây là kế chỉ dùng đất theo lối làm rẫy một cách giồng gieo (đốt) mà không khi nào lại áp-dụng trong một công cuộc khẩn hoang có tổ-chức.

Các nhà đương chức nêu ra một con số khác. Sau khi đến tận nơi điều tra trong các vùng Yên-Báy, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang, Phú-Tho đề tìm đất thì người ta đồ chừng số đất có thể dùng về việc di-dân được là 80.000 mẫu tây (1) dùng được $4 \times 80.000 = 320.000$ người (2). Nhưng ta nên nhận rằng các nhà đương chức chỉ chú ý đến những giải đất ở những vùng rừng có thể phần lớn sửa sang thành ruộng cấy lúa, vì tin rằng chỉ có ruộng mới di-dân được một điều nhận xét xác thực nhưng sẽ thay đổi khi việc di dân tổ-chức khắt rủa.

Xứ Nam-Kỳ dùng được một triệu người, miền Trung-du và Thượng-du Bắc-Kỳ trên dưới 500.000

người nếu ta thám vào đây những ruộng bở còn dư 60.000 mẫu tây, các đồi (Lang biang Darlac, Kontum) ở miền nam Trung-Kỳ và miền đất đỏ ở phía đông Nam-Kỳ (ở đây hiện có những đồn điền cao su) thì ta có thể quả quyết rằng không cần kê đến hai xứ Lào và Cao-Mên, bỏ cõi nước ta còn đủ đất giồng giọt để dung nạp cái số một triệu rưỡi hoặc hai triệu dân thừa ở các miền Trung-châu phía Bắc.

Trong khoảng 50 năm nay, người ta đã thí nghiệm nhiều cuộc di-dân. Nhưng kết quả còn rất ít, mỗi năm nhiều nhất mang đi được 4000 nông dân (3) so với con số khổng lồ một triệu rưỡi nhân khẩu thừa ra, cứ mỗi năm lại tăng thêm 10 vạn !

Người ta đã ứng dụng nhiều phương pháp khác nhau :

Phương pháp tự do khẩu hoang (colonisation libre nghị-định ngày 7-7-1888) hoặc bằng sức của riêng từng cá-nhân (colonisation individuelle nghị-định ngày 13 novembre 1925) hoặc bằng sự hoạt động của một viên thủ xưởng chiêu mộ nông-dân để lập những đồn điền di-dân (colonisation de peuplement, nghị-định ngày 20 mars 1935). Phương pháp di dân điều khiển (colonisation dirigée). Thực hành phương pháp này, chính-phủ đã thử lập nhiều làng di-dân, cấp cho các gia đình mới một nhà cửa, ngưn canh điền khi và lương ăn cho đến khi có hoa lợi. Hầu việc thí-nghiệm năm xưa đều thất bại : ở Bắc-kỳ trong vùng Thái-Nguyên cho một bọn lính thợ ở Pháp về (1919) và ở Nam-Kỳ trong hạt Hà-Tiên cho bọn phu đồn điền ngoài Bắc của « Công-ty khai khẩn đảo Phú-quốc » thất ra vì vỡ nợ. Chỉ sau ít lâu, bọn dân di-cư bỏ về quê gần hết. (4)

Gần đây (1938) chính-phủ lại điều khiển nhiều cuộc-di-dân, mang một số gia-đình nông dân nghèo thuộc-tỉnh Nam-định lên khẩn hoang ở các tỉnh Phú-Thọ (1 làng) Thái-Nguyên 1 làng nhiều nhất ở Yên-Báy (5 làng 2.054 người). Nhà nước gúp đỡ họ như trên đã nói và các

quan chức đi lại thăm hỏi luôn luôn. Nhưng trong tờ trình của ông Lotzer (novembre 1941) đã thấy nói đến số dân bỏ về lên tới một phần ba, và tờ trình của ông Demec (1943) lại còn bi quan hơn : số bỏ về tăng lên đến một nửa hay 2 phần ba những người còn lại cũng không muốn ở nữa vì ốm đau, vì không cấy đủ thóc ăn mà giá gạo phải đóng ở ngoài thì cao quá. Ông Demec kết luận nên cho họ hồi hương cả thì hơn !

Hiện chính-phủ đang làm một thí-nghiệm nữa. Hồi cuối năm kia (décembre 1942) 750 gia-đình nông dân, gồm 3.450 người thuộc các tỉnh Nam-định và Thái-bình đã được mang vào khai khẩn ở một khu ruộng rộng 5000 mẫu tây trong tỉnh Rạch-Giá. Dân mới mộ lúc đầu làm những việc đào thêm lạch dẫn nước (nhà nước giả công) và phát rừng bán gỗ. Sự săn sóc của chính-phủ còn mật thiết hơn trước : một viên tri phủ ở luôn đấy, với một toán lính cơ, có chợ, nhà thương, hai trường học...

Người ta nói nhiều về cuộc thí-nghiệm này. Ta hãy chờ kết-quả.

Những cuộc thí nghiệm di dân bằng sức của tư-nhân, hay bằng sức của chính-phủ, hoặc đã thất bại, hoặc kết quả ít ỏi quá. Cuộc thí nghiệm ở Rạch Giá mới bắt đầu kết quả ra sao ta chưa biết.

Vấn-đề di dân để giải quyết nạn nhân mãn hãy còn hoàn toàn nguyên vẹn.

Che nên chính-phủ cùng các người thường quan tâm đến nạn ấy vẫn còn phải suy tính để tìm một phương pháp và một chương trình hành động có hiệu lực.

Những thí nghiệm trước đã thất bại vì đâu ? Công-ouốc di dân đã gặp những trở lực gì ?

Ài cũng có thể kể ra được đủ các nguyên-nhân. Nhưng từ trước đến nay, người ta thường chú ý đặc biệt đến cái nguyên-nhân tâm lý và

(1) 30.000 ha tức là 300 km²

(2) Bulletin économique de l'Indochine 1938. — IV

(3) Con số của Ô. Gouron. (xem ở trên)

(4) Bulletin économique 1938. — IV

xã-hội. Người nông-dân Việt Nam không thích rời nơi « quê cha đất tổ » có nhiều giấy tiền lạc với họ hàng làng mạc, cần phải sống trong khung cảnh đồng ruộng, trong lễ-nghi phong tục riêng biệt của quê quán, sợ đi xa, sợ mạo hiểm, sợ « ma thiêng nước độc » v. v. .

Tôi không bảo điều nhận xét ấy là sai sự thực tôi còn tin rằng cái lý-nhế ấy thường làm do dự và hoài nghi bất kỳ một dân quê nào khi người ta muốn mộ hân di làm đồn điền. Nhưng tôi nghĩ rằng trở lực ấy không đủ mạnh để cản hẳn lại khi hẳn được thấy những người đi trước đều vẫn khỏe mạnh và kiếm ăn dư dật trong khi ở nhà bị đói rách và ăn buổi hay lo buổi mai. Dầu mến quê hương đến đâu thì « bụng đói thì chân phải bỏ ». Miến là :

1-) đừng ốm (vì « ngã nước »).

2-) đừng bị sống vất vưởng ở nơi « đất khách quê người ».

Mà chẳng cứ gì dân quê Việt Nam, dân quê nước nào thì cũng vậy, đều không sợ đi xa hay thích mạo hiểm đến cực nào, nếu cứ đi khần hoang là :

1-) bị ốm,

2-) kiếm không đủ ăn.

Thì họ cũng ra sống ở quê nhà hơn ! Đó là biểu thị mạnh mẽ của một tinh thần thiết thực dân quý.

(Còn nữa)

VŨ-ĐÌNH-HÒE

Bài này viết ngày 15 tháng giêng 1945 để đăng trong số đặc san : « Vài vấn đề Đông Dương » nhưng đã bị Sở Kiểm duyệt bỏ.

Báo Mới

Chúng tôi được tin Tuần-báo Văn Mới, loại mới sẽ xuất bản vào những ngày mùng 5, 15, 25. Số 1 hiện đã phát hành ngày mùng 5 tháng 6 1945

Tuần báo DẪN MỐI (ra ngày thứ tư) đã được phép xuất bản ở Hà-nội, và số đầu sẽ ra ngày thứ tư 6-6-1945.

Xin kính chào bạn đồng nghiệp và giới thiệu cùng bạn đọc.

T. N.

Vấn-đề bảo-đảm trong hòa-uớc Versailles

(Tiếp theo trang 6)

theo đuổi cuộc chiến tranh, đã quên phứt những lời tuyên bố kia và bên trong trở nên thù địch với nhau, chỉ làm le hát bầy lẫn nhau, tuy bề ngoài vẫn ra vẻ thân thiện hợp-tác. Thêm nữa họ đã chú-trọng quá nhiều vào những quyền lợi riêng của từng quốc gia mà quên hẳn quyền lợi chung của nhân loại và họ không chịu nhận rằng một hội nghị hòa bình bây giờ không thể như xưa là một cơ hội sâu sắc từ-thì kẻ bại-trận nữa mà phải quan-niệm là một cuộc hợp-tác của toàn thể các nước không phân biệt to nhỏ để đi tới một nền hòa bình đều không được vĩnh viễn thì cũng lâu dài cho nhân-loại. Cái quan niệm mới mẻ này liệu đã được người ta thành thực thừa nhận ở hội nghị hòa-bình thế giới mai đây chưa ? Cái ý niệm về sự hợp tác của toàn thể các nước không phân biệt, hãy còn lơ mơ ở sau cuộc đại chiến trước, liệu đã sáng tỏ hơn và được thể hiện ở sau cuộc đại chiến này chưa ? Dầu sao cuộc tiến hóa của nhân loại cũng phải đi tới chỗ đó và cái dư-lượng quốc-tế nhân chính ngày nay, nhờ sự nâng đỡ của một lực lượng mạnh mẽ như của Liên-bang Xô-viết liên-kết với đa số các nước nhỏ trên thế-giới, đã trở nên một làn sóng mãnh liệt có thể đánh tan tất cả những bức thành kiên cố do những lực lượng phản động dựng lên.

Đ. Đ. Đ.

Hộp thư

Ô. Trần-dình-Khuyến, thừa phái Vĩnh-Linh, Quảng-trị. — Đã nhận được ngân phiếu của ông mua cuốn « Những phương pháp giáo dục ». Chúng tôi sẽ gửi vào ngay, khi nhà giấy thép nhận sách. Xin ông vui lòng đợi.

Cùng các đại-lý lấy sách trong Thanh Nghị lung thư. — Chúng tôi chỉ gửi sách sau khi đã nhận được ngân phiếu của các ông. Và mong các ông đừng tính tiền sách chung với tiền báo, để chúng tôi tiện việc sở sách — Hoa hồng 20%.

T. N. T. T.

ĐỜI SỐNG ĐÔNG-DƯƠNG

TIẾP TẾ VÀ VẬN TẢI

của VŨ - ĐÌNH - HÒE

Vì một lẽ riêng bài này không đáng được

Báo cáo

Gần đây tôi được biết có kẻ mạo nhận tên tôi và tên Tân Việt Nam Hội gửi những thư bậy bạ. Vậy tôi yêu cầu nội nào nhận được những bức thư có vẻ đáng ngờ vì nhời nhẽ không chính-đáng, nên xét kỹ tờ giấy về chữ ký, tiêu đề trên giấy viết, dấu đóng và nếu có thể báo cho chúng tôi biết, thì chúng tôi xin cảm tạ vô cùng.

VŨ ĐÌNH HOÈ

Tổng thư ký T.V.N.H

24 Hàng Đa, — Hà-nội

Cuốn sách đầu tiên trong bộ Thanh-Nghị từng thu'

ĐÃ PHÁT HÀNH NGÀY 1 THÁNG 6 NĂM 1945

===== NHỮNG PHƯƠNG - PHÁP GIAO - DỤC Ở CÁC NƯỚC VÀ =====

VẤN ĐỀ CẢI CÁCH GIÁO DỤC

của VŨ BÌNH HÒE — GIÁ 7\$00

ĐẠI LÝ NGÀI NÀO NHẬN BÁN BAO NHIỀU XIN GỬI GIẤ ĐU NGAY

TIỀN, XIN LẤY TỪ 10 QUYỀN GIỜ LÊN. TRỪ HOA HỒNG 20%.

GỬI NGÂN PHIÊU (HO : VŨ BÌNH HOÈ 15 PHỐ HÀNG ĐA, HÀ NỘI



SẼ PHÁT HÀNH NGÀY MỖNG 1 THANG 8 1945

===== CUỘC TIEN HOA CUA =====

NỀN TƯ' BẢN ÂU TÂY

của VŨ VĂN HIỀN

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE — nhà in riêng của T. N.
GIẤY PHÉP NGÀY 16 THÁNG CHẬP NĂM 1944 SỐ 6708